



Pivot Table

Excel 2003

Biên soạn:

Ptm0412

Trên tay tôi là bản thảo tập sách mà tác giả là PtM0412, một tên tuổi không xa lạ với tất cả các bạn thành viên www.giaiphapexcel.com...

Tôi nhớ lại... Tôi quen với anh thế nào nhỉ ?

Gần 3 năm trước, vào một buổi tối online, tôi vội vàng trả lời câu hỏi của một bạn về Data – Solver mà quên chưa kiểm tra lại những gì mình viết. Ngay lập tức, nick PtM0412 lúc đó mới tham gia diễn đàn, với số bài vốn vẹn... chỉ chừng mấy chục, với thâm niên chưa bao, nhưng đã chỉnh sửa bài của tôi thật vững vàng và thuyết phục...

Tôi đã phải cảm ơn anh và mời anh... uống cà phê cùng tôi.

Ít lâu sau, tôi mạnh dạn mời anh tham gia Ban Điều Hành GPE, quản lý Box Anh Văn, rồi... bằng tất cả sự nhiệt tình cống hiến, dày dạn kinh nghiệm... anh đã trở thành một thành viên Ban Quản Trị nòng cốt nhất của diễn đàn.

Mới đây, trong Topic "Ai là người gây ấn tượng với bạn nhất khi bạn tham gia vào GPE?", PtM0412 cùng Anhtuan1066 đã chiếm vị trí cao nhất, và anh thật xứng đáng với tình cảm của các bạn GPE dành cho anh.

GPE yêu quý anh bao nhiêu, thì anh cũng yêu quý GPE bấy nhiêu...

Và hôm nay, đáp lại tình cảm mọi người dành cho anh, cho GPE, Ban Quản Trị GPE gửi đến tất cả các bạn tham dự Sinh Nhật GPE lần thứ 4 tập sách này, món quà của tri thức, của tình yêu và của cả lòng trách nhiệm nữa.

Bây giờ, các bạn có thể bắt đầu đọc sách rồi đấy.

Thay mặt BQT diễn đàn

Handung107

LỜI NÓI ĐẦU

PivotTable là một công cụ rất mạnh của Excel, từ Office 97 đã có hiện diện của PivotTable rồi. Trải qua các phiên bản khác nhau của MSOffice, công cụ này ngày một cải tiến và trở thành công cụ phân tích hàng đầu trong Excel.

Không biết PivotTable, người dùng có khi phải sử dụng những công thức tính tổng, đếm, trung bình, ... có điều kiện, nếu 2 điều kiện trở lên, sẽ phải dùng công thức mảng hoặc hàm SUMPRODUCT. Khi dữ liệu lên đến chục ngàn dòng, thì các công thức này khiến cho bảng tính chạy một cách ì ạch, khó chịu.

Hơn nữa, có những dạng bảng phân tích dữ liệu hai chiều, việc tách một phần dữ liệu ra thành tiêu đề hai chiều dọc và ngang, có khi phải dùng VBA để giải quyết.

Trong khi đó, nếu sử dụng PivotTable, bạn chỉ việc làm theo wizard, và dùng chuột kéo thả. Mỗi lần kéo thả bạn sẽ có một dạng phân tích khác, tùy nhu cầu. Một ưu điểm mạnh của PivotTable là có thể phân tích với nhiều cấp, tương tự tính tổng nhiều điều kiện.

Với PivotTable 2003, bạn có thể phân tích theo %, có thể tạo field tính toán và phân tích field mới này, và nhiều tính năng khác.

PivotTable làm việc hiệu quả và nhanh chóng cho dù bạn có dữ liệu rất nhiều dòng.

PivotTable có nhược điểm là không dùng nó để trình bày như một báo cáo chính thức. Kể cả với Office 2007 hay 2010, các dạng trình bày định dạng có sẵn rất đa dạng và phong phú, không ai muốn in nó ra như một báo cáo, vì không đúng mẫu (form of report) chính thống.

Dù vậy, sức mạnh của PivotTable là chưa thể thay thế trong rất nhiều trường hợp. Trong tập sách nhỏ này, tôi xin giới thiệu các bạn PivotTable từ căn bản đến nâng cao, và một số ứng dụng của nó trong công tác kế toán.

Giới thiệu là việc của tôi, còn ứng dụng, là việc của các bạn, chúc thành công.

1

PivotTable cơ bản

I. KHÁI NIỆM

Pivot Table là 1 công cụ của Excel dùng tổng hợp và phân tích dữ liệu với nhiều góc độ và nhiều cấp khác nhau.

Thí dụ bạn có dữ liệu về doanh thu của nhiều cửa hàng, nhiều nhóm mặt hàng, ở nhiều tỉnh khác nhau, trong những khoảng thời gian khác nhau (thí dụ năm) như sau:

Đại lý	Tỉnh	Mặt hàng	Năm	Doanh thu
B	HCM	Điện tử	2005	33.449.000
B	HCM	Điện gia dụng	2005	26.739.000
A	HCM	Điện cơ	2004	82.091.000
A	HCM	Điện tử	2004	39.071.000
C	An Giang	Điện gia dụng	2002	29.231.000
C	An Giang	Điện cơ	2002	79.568.000
D	An Giang	Điện gia dụng	2001	91.811.000
D	An Giang	Điện cơ	2001	70.046.000
D	An Giang	Điện gia dụng	2002	79.373.000
D	An Giang	Điện cơ	2002	84.590.000
E	Hà nội	Điện tử	2002	49.898.000
E	Hà nội	Điện tử	2003	36.131.000
E	Hà nội	Điện cơ	2004	80.319.000
F	Hà nội	Điện cơ	2005	24.546.000
F	Hà nội	Điện gia dụng	2004	41.352.000
F	Hà nội	Điện gia dụng	2005	41.373.000
G	Huế	Điện gia dụng	2004	33.126.000
G	Huế	Điện tử	2003	88.149.000
G	Huế	Điện tử	2004	52.858.000

Bây giờ bạn muốn tổng hợp:

1. Doanh thu từng tỉnh
2. Doanh thu từng nhóm hàng
3. Doanh thu từng đại lý
4. Doanh thu từng năm

Và bạn muốn phân tích:

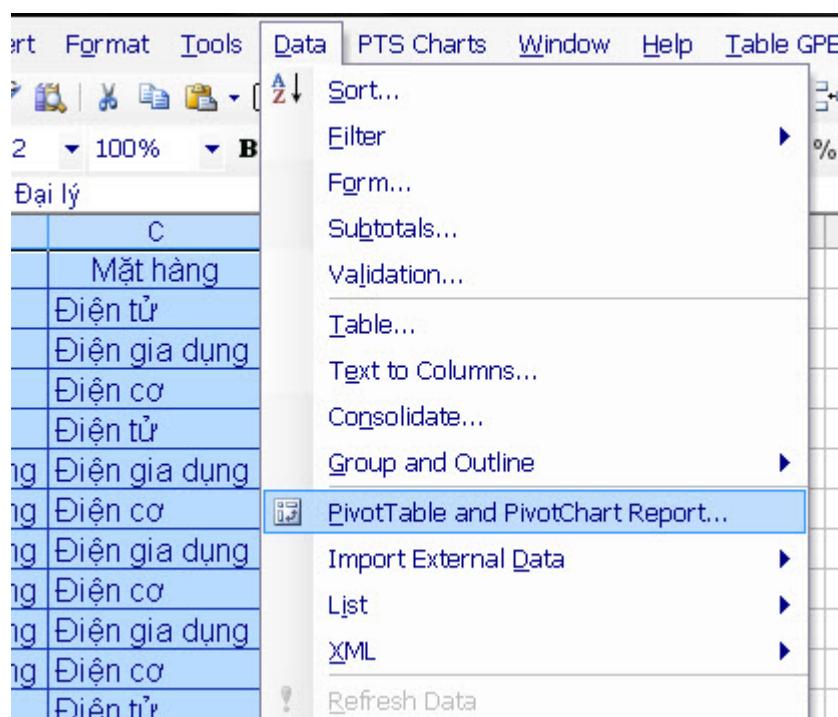
1. Doanh thu từng tỉnh theo từng mặt hàng
2. Doanh thu từng đại lý theo từng mặt hàng
3. Doanh thu từng năm của từng tỉnh
4. Doanh thu từng đại lý theo năm
5. Doanh thu từng năm theo nhóm hàng
6. Chi tiết Doanh thu từng nhóm hàng cho từng đại lý, nhóm theo tỉnh.
7. Phân tích theo bất cứ kiểu nào bạn có thể nghĩ ra.

Những dạng báo cáo tổng hợp phân tích này không phải phần mềm kế toán nào cũng đáp ứng được, trong khi nhu cầu quản lý rất đa dạng.

Bạn có thể làm tất cả những bảng này chỉ bằng dùng chuột kéo thả với công cụ Pivot Table.

II. THỰC HIỆN

1. Tô chọn vùng dữ liệu, vào menu Data – Pivot Table and Pivot Chart Report:



2. Xuất hiện hộp thoại Pivot Table 3 step. Nhấn Next:



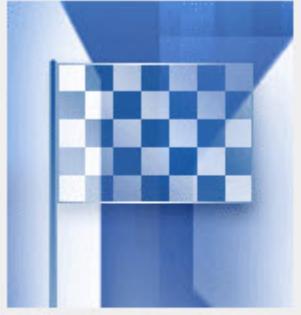
- Nhấn Next:



- Chọn Existing worksheet hoặc New worksheet, nhấn Finish:

	F	G	H	I	J	K	L	M	N

PivotTable and PivotChart Wizard - Step 3 of 3



Where do you want to put the PivotTable report?

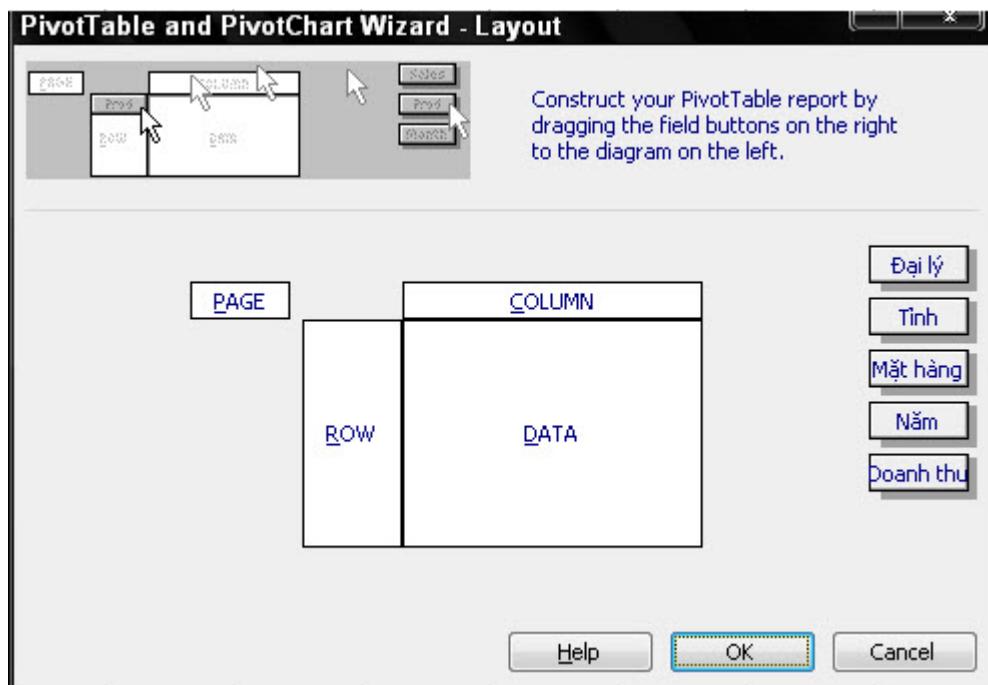
New worksheet
 Existing worksheet
 Sheet1!\$G\$1

Click Finish to create your PivotTable report.

Layout... **Options...** **Cancel** **< Back** **Next >** **Finish**

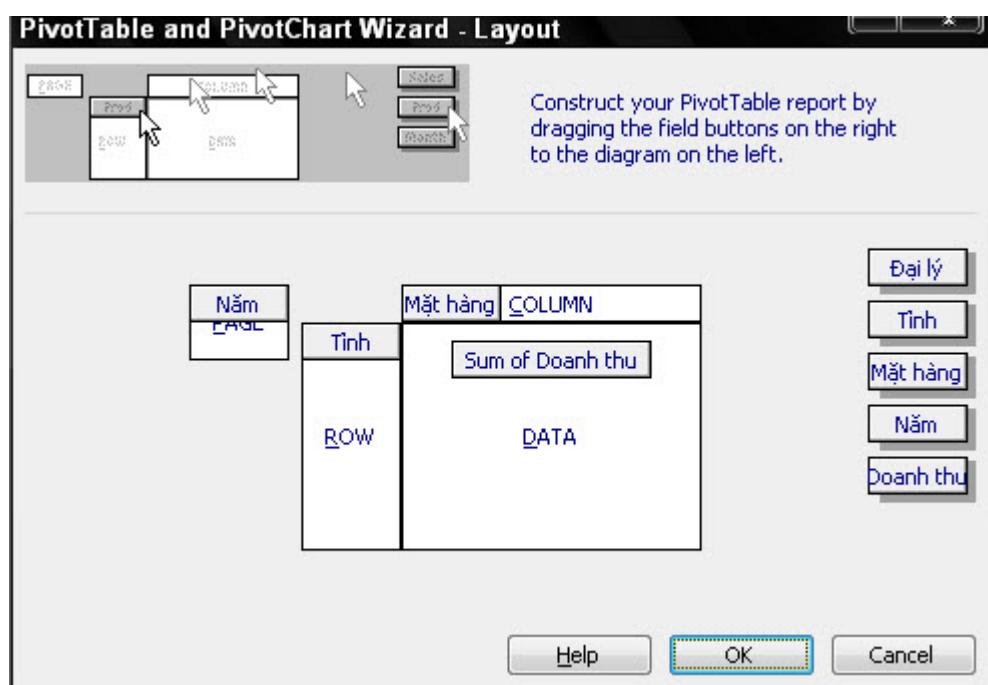
3. Kéo và thả:

Bạn nhấn Layout để thực hiện tiếp:



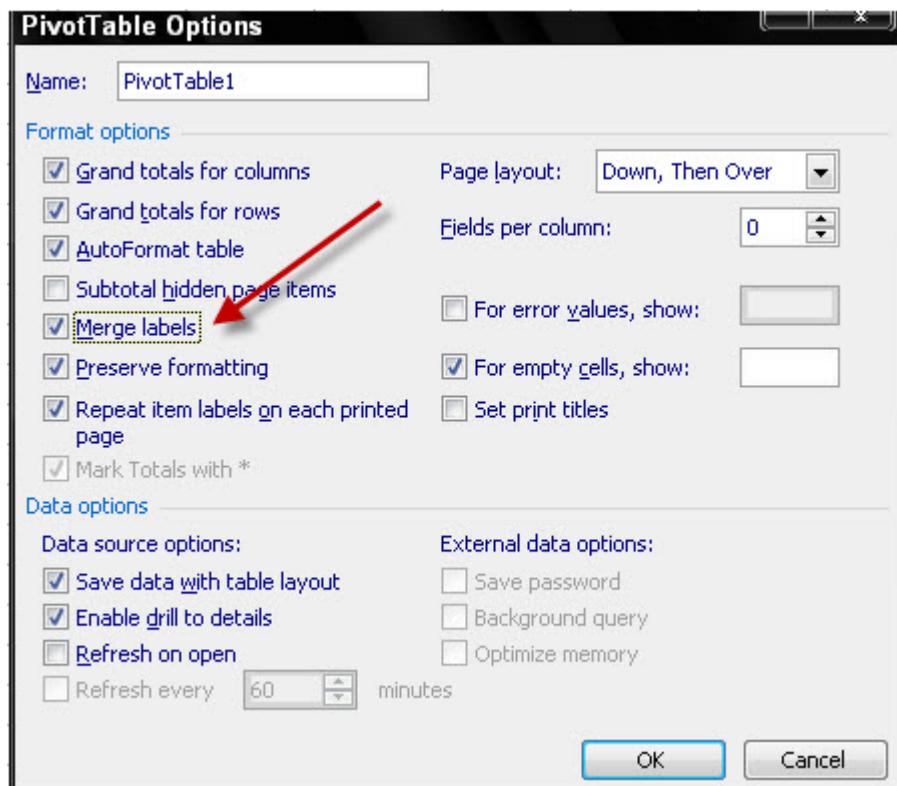
Kéo thả các trường dữ liệu cần thiết vào Pivot Table:

- Trường tổng hợp cấp cao nhất vào PAGE (thí dụ Năm)
- 1 hoặc 2 Trường tổng hợp cấp thấp hơn vào ROW (thí dụ Tỉnh, sau đó là Đại lý)
- 1 hoặc 2 Trường phân tích vào COLUMN (thí dụ Mặt hàng)
- Trường dữ liệu phân tích vào DATA (thí dụ Doanh thu)



Bạn cũng có thể nhấn vào nút Option để chọn một số mục cần thiết:

- Chọn Merge cell cho các field cấp cao
- Chọn có hay không có dòng – cột Sub Total



Nhấn Finish để ra kết quả. Định dạng lại bảng Pivot Table nếu muốn.

The screenshot shows the PivotTable Field List on the left, listing fields like 'Đại lý', 'Tỉnh', 'Mặt hàng', 'Năm', and 'Doanh thu'. The main area displays a PivotTable report with data for 'Mặt hàng' (Product) and 'Tỉnh' (Province). The report includes a Grand Total row and a Grand Total column. The PivotTable toolbar is visible at the bottom.

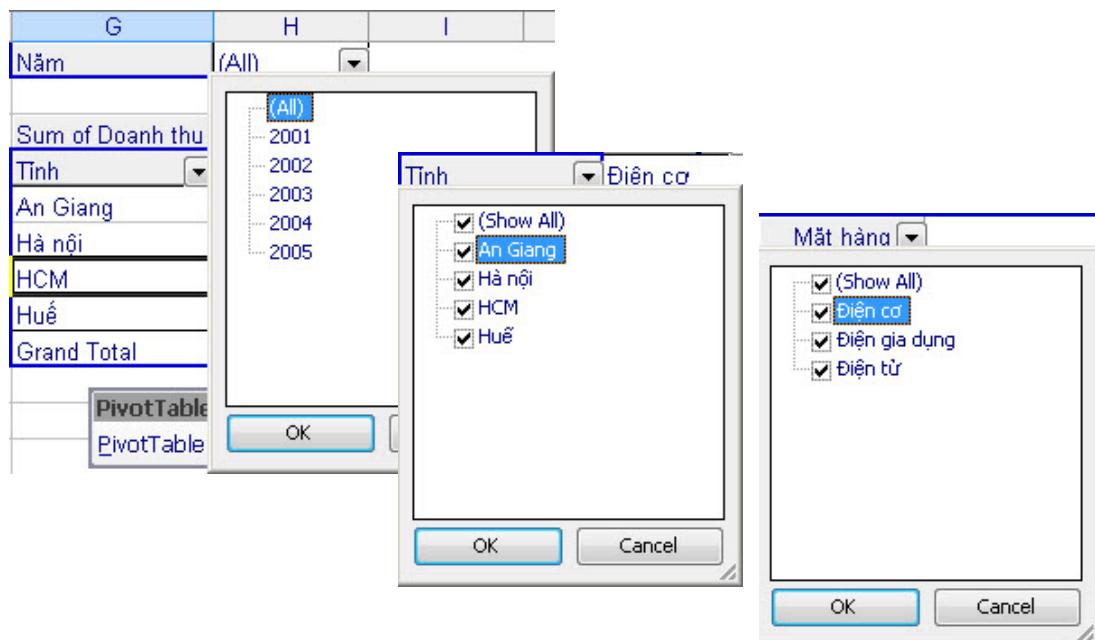
Tỉnh	Điện cơ	Điện gia dụng	Điện tử	Grand Total
An Giang	234204000	200415000		434619000
Hà nội	104865000	82725000	86029000	273619000
HCM	82091000	26739000	72520000	181350000
Huế		33126000	141007000	174133000
Grand Total	421160000	343005000	299556000	1063721000

Phần Layout và Option có thể làm lại bất cứ lúc nào kể cả sau khi đã ra kết quả.

III. CÁC THỦ THUẬT TRONG PIVOT TABLE

1. Xem từng phần báo cáo:

Kép bên mỗi tên trường của Pivot table, bạn sẽ thấy có một nút có hình tam giác, nhấn vào sẽ xổ xuống cho bạn chọn xem một, hoặc vài nhóm dữ liệu.



2. Thay đổi cấu trúc bảng phân tích:

Bạn có thể dùng chuột kéo thả: thêm, bớt, hoán vị, các trường trong Pivot table để cho ra một mẫu phân tích mới:

- Kéo trường năm từ PAGE xuống ROW:

Sum of Doanh thu		Mặt hàng			
Năm	Tỉnh	Điện cỡ	Điện giá dụng	Điện tử	Grand Total
2001	An Giang	70.046.000	91.811.000		161.857.000
2001 Total		70.046.000	91.811.000		161.857.000
2002	An Giang	164.158.000	108.604.000		272.762.000
	Hà nội			49.898.000	49.898.000
2002 Total		164.158.000	108.604.000	49.898.000	322.660.000
2003	Hà nội			36.131.000	36.131.000
	Huế			88.149.000	88.149.000
2003 Total				124.280.000	124.280.000
2004	Hà nội	80.319.000	41.352.000		121.671.000
	HCM	82.091.000		39.071.000	121.162.000
	Huế		33.126.000	52.858.000	85.984.000
2004 Total		162.410.000	74.478.000	91.929.000	328.817.000
2005	Hà nội	24.546.000	41.373.000		65.919.000
	HCM		26.739.000	33.449.000	60.188.000
2005 Total		24.546.000	68.112.000	33.449.000	126.107.000
Grand Total		421.160.000	343.005.000	299.556.000	1.063.721.000

- Kéo thả trường Năm từ trước ra sau trường Tỉnh:

		Sum of Doanh thu	Mặt hàng		
Tỉnh	Năm	Điện cơ	Điện gia dụng	Điện tử	Grand Total
An Giang	2001	70.046.000	91.811.000		161.857.000
	2002	164.158.000	108.604.000		272.762.000
An Giang Total		234.204.000	200.415.000		434.619.000
Hà nội	2002			49.898.000	49.898.000
	2003			36.131.000	36.131.000
	2004	80.319.000	41.352.000		121.671.000
	2005	24.546.000	41.373.000		65.919.000
Hà nội Total		104.865.000	82.725.000	86.029.000	273.619.000
HCM	2004	82.091.000		39.071.000	121.162.000
	2005		26.739.000	33.449.000	60.188.000
HCM Total		82.091.000	26.739.000	72.520.000	181.350.000
Huế	2003			88.149.000	88.149.000
	2004		33.126.000	52.858.000	85.984.000
Huế Total			33.126.000	141.007.000	174.133.000
Grand Total		421.160.000	343.005.000	299.556.000	1.063.721.000

- Kéo bỏ trường Năm ra ngoài, và kéo trường Mặt hàng từ vùng COLUMN xuống vùng ROW:

- Hoán vị hai trường Tỉnh và Mặt hàng:

	Sum of Doanh thu		
Mặt hàng	Tỉnh	Total	
Điện cơ	An Giang	234.204.000	
	Hà nội	104.865.000	
	HCM	82.091.000	
Điện cơ Total		421.160.000	
Điện gia dụng	An Giang	200.415.000	
	Hà nội	82.725.000	
	HCM	26.739.000	
	Huế	33.126.000	
Điện gia dụng Total		343.005.000	
Điện tử	Hà nội	86.029.000	
	HCM	72.520.000	
	Huế	141.007.000	
Điện tử Total		299.556.000	
Grand Total		1.063.721.000	

	Sum of Doanh thu		
Tỉnh	Mặt hàng	Total	
An Giang	Điện cơ	234.204.000	
	Điện gia dụng	200.415.000	
An Giang Total		434.619.000	
Hà nội	Điện cơ	104.865.000	
	Điện gia dụng	82.725.000	
	Điện tử	86.029.000	
Hà nội Total		273.619.000	
HCM	Điện cơ	82.091.000	
	Điện gia dụng	26.739.000	
	Điện tử	72.520.000	
HCM Total		181.350.000	
Huế	Điện gia dụng	33.126.000	
	Điện tử	141.007.000	
Huế Total		174.133.000	
Grand Total		1.063.721.000	

- Kéo trêng Tỉnh bô lên COLUMN:

Sum of Doanh thu	Tỉnh				
Mặt hàng	An Giang	Hà nội	HCM	Huế	Grand Total
Điện cơ	234.204.000	104.865.000	82.091.000		421.160.000
Điện gia dụng	200.415.000	82.725.000	26.739.000	33.126.000	343.005.000
Điện tử		86.029.000	72.520.000	141.007.000	299.556.000
Grand Total	434.619.000	273.619.000	181.350.000	174.133.000	1.063.721.000

- Và lập bất cứ mẫu phân tích nào bạn muốn, hoặc bạn nghĩ ra, chỉ bằng cách kéo thả: thêm, bớt, đổi chỗ, hoán vị.

Tuy nhiên, đừng làm chuyện vô nghĩa như cho Đại lý nằm ở cấp cao hơn Tỉnh. Vì một tỉnh có thể có nhiều Đại lý, nhưng mỗi Đại lý chỉ nằm trong một tỉnh, rốt cuộc là liệt kê tất cả mà chẳng tổng hợp hơn được gì so với chỉ một trường Đại lý.

3. Sửa chữa, định dạng những Sub Total:

Bạn rà chuột vào bên trái các Row Subtotal, hoặc bên trên những Column SubTotal, khi nào hiện lên mũi tên nhỏ xíu màu đen, thì click, ta sẽ chọn được toàn bộ các Sub Total (xem hình bên)

Bây giờ bạn có thể:

- Tô màu dòng Sub Total
- Sửa “Điện cơ Total” thành “ Cộng Điện cơ” (chỉ sửa cho một ô, các ô còn lại tự động đổi theo).

Sum of Doanh thu		
Mặt hàng	Tỉnh	Total
Điện cơ	An Giang	234.204.000
	Hà nội	104.865.000
	HCM	82.091.000
Cộng Điện cơ		421.160.000
Điện gia dụng	An Giang	200.415.000
	Hà nội	82.725.000
	HCM	26.739.000
	Huế	33.126.000
Cộng Điện gia dụng		343.005.000
Điện tử	Hà nội	86.029.000
	HCM	72.520.000
	Huế	141.007.000
Cộng Điện tử		299.556.000
Grand Total		1.063.721.000

Sum of Doanh thu		
Mặt hàng	Tỉnh	Total
Điện cơ	An Giang	234.204.000
	Hà nội	104.865.000
	HCM	82.091.000
Điện cơ Total		421.160.000
Điện gia dụng	An Giang	200.415.000
	Hà nội	82.725.000
	HCM	26.739.000
	Huế	33.126.000
Điện gia dụng Total		343.005.000
Điện tử	Hà nội	86.029.000
	HCM	72.520.000
	Huế	141.007.000
Điện tử Total		299.556.000
Grand Total		1.063.721.000

4. Ẩn các dòng SubTotal và Total:

Click chọn những mục cần ẩn, nhấn chuột phải, chọn Hide.

5. Thay đổi vùng dữ liệu nguồn:

Nếu bạn rành về Excel, tôi khuyên bạn nên dùng một Name động để đặt cho vùng dữ liệu nguồn cho Pivot Table. Khi bạn cập nhật dữ liệu nguồn theo thời gian, Name động sẽ tự tính lại kích thước vùng dữ liệu, và Pivot table sẽ cập nhật theo.

Nếu bạn không biết tí gì về Name, hãy làm theo cách sau:

- Nhấn chuột phải vào Pivot table, chọn Pivot Table wizard
- Nhấn Back để trở về step 2 của phần 1.
- Chọn lại vùng dữ liệu mới.

6. Điều chỉnh vị trí hai trường dữ liệu dòng thành cột:

Giả sử bạn muốn phân tích cả Doanh thu và Lợi nhuận, và khi bạn kéo thả Trường Lợi nhuận vào vùng DATA bạn có được:

Mặt hàng	Tỉnh	Data	Total	
Điện cơ	An Giang	Doanh thu	234.204.000	
	An Giang	Lợi nhuận	11.710.200	
	Hà nội	Doanh thu	104.865.000	
		Lợi nhuận	5.243.250	
	HCM	Doanh thu	82.091.000	
		Lợi nhuận	4.104.550	
Điện cơ Doanh thu			421.160.000	
Điện cơ Lợi nhuận			21.058.000	
Điện gia dụng	An Giang	Doanh thu	200.415.000	
	An Giang	Lợi nhuận	10.020.750	
	Hà nội	Doanh thu	82.725.000	
		Lợi nhuận	4.136.250	
	HCM	Doanh thu	26.739.000	
		Lợi nhuận	1.336.950	
Điện tử	Huế	Doanh thu	33.126.000	
	Huế	Lợi nhuận	1.656.300	
	Điện tử Doanh thu			343.005.000
	Điện tử Lợi nhuận			17.150.250
	Hà nội	Doanh thu	86.029.000	
		Lợi nhuận	4.301.450	
Điện tử	HCM	Doanh thu	72.520.000	
		Lợi nhuận	3.626.000	
	Huế	Doanh thu	141.007.000	
		Lợi nhuận	7.050.350	
	Điện tử Doanh thu			299.556.000
	Điện tử Lợi nhuận			14.977.800
Total Doanh thu			1.063.721.000	
Total Lợi			53.186.050	

Muốn chuyển về theo dạng cột thay vì dòng giống như thế này:

Tỉnh	Doanh thu	Lợi nhuận
An Giang	234.204.000	11.710.200
Hà Nội	104.865.000	5.234.250

Nhấn chuột phải vào ô “Data”, chọn Order – Move to Column.

Kết quả:

Mặt hàng	Tỉnh	Data	
		Doanh thu	Lợi nhuận
Điện cơ	An Giang	234.204.000	11.710.200
	Hà nội	104.865.000	5.243.250
	HCM	82.091.000	4.104.550
Cộng Điện cơ		421.160.000	21.058.000
Điện gia dụng	An Giang	200.415.000	10.020.750
	Hà nội	82.725.000	4.136.250
	HCM	26.739.000	1.336.950
	Huế	33.126.000	1.656.300
Cộng Điện gia dụng		343.005.000	17.150.250
Điện tử	Hà nội	86.029.000	4.301.450
	HCM	72.520.000	3.626.000
	Huế	141.007.000	7.050.350
Cộng Điện tử		299.556.000	14.977.800
Grand Total		1.063.721.000	53.186.050

2

PivotTable nâng cao

I. YÊU CẦU CƠ BẢN KHI THỰC HIỆN PIVOT TABLE

Đã nói về Pivot Table là nói về tổng hợp và phân tích.

Đã nói về phân tích là phải có **tiêu chí phân tích**:

- Tiêu chí phân tích là bất kỳ tiêu chí nào có thể dùng để phân loại dữ liệu. Thí dụ tiêu chí loại chi phí, tiêu chí kỲ báo cáo, tiêu chí nhóm sản phẩm, tiêu chí vùng thị trường, tiêu chí loại khách hàng, thậm chí phân loại khách hàng cũng có nhiều cách phân loại: phân loại theo khách mua sỉ, lẻ; phân loại theo doanh số lớn nhỏ
- Phân loại dữ liệu cần chính xác, không trùng lắp, không mơ hồ. **Một dòng dữ liệu chỉ có thể nằm trong 1 loại**, không được hơn. Thí dụ nếu đã có loại chi phí Văn Phòng thì không được có chi phí Điện thoại. Muốn có chi phí Điện thoại thì phải tách chi phí Văn Phòng ra: chi phí Điện thoại, mực in, văn phòng phẩm, lương nhân viên Văn Phòng, cái gì không cần quá chi tiết thì gộp vào chi phí linh tinh.

Đó là nói về phân tích, còn nói về Pivot Table: Pivot Table cũng yêu cầu chính xác y như vậy thậm chí nếu bạn gõ sai chính tả, dư dấu space, thiếu dấu sắc, dấu huyền; Pivot cũng coi như 1 loại mới và tách riêng ra.

Thí dụ trong bảng Pivot Table trên nếu tất cả dữ liệu cột Thành phố Hồ Chí Minh trong cột tỉnh là “HCM”, lọt vào 1 ô “HCM” (dư 1 khoảng trắng) thì sẽ bị tách riêng ra 1 dòng như sau: ô tô màu cam là ô gõ dư khoảng trắng, thể hiện dòng HCM thứ 2 trên Pivot Table.

Tỉnh	Đại lý	Total
An Giang	C	108.799.000
	D	325.820.000
Hà Nội	E	166.348.000
	F	107.271.000
HCM	A	39.071.000
	B	60.188.000
	H	89.886.000
	I	49.433.000
HCM	A	82.091.000
Huế	G	174.133.000
	J	118.448.000
Grand Total		1.321.488.000

Như vậy để cho Pivot Table làm tốt bạn phải làm theo đúng cách. Tôi gợi ý một quy trình như sau:

1. Lấy dữ liệu thô
2. Chọn tiêu chí phân tích
3. Lập 1 danh sách các loại dữ liệu theo tiêu chí trên, phân bao nhiêu loại tùy bạn, nhưng tên từng loại phải chính xác và ngắn gọn. Nếu tiêu chí này có sẵn trong dữ liệu thô: kiểm tra tính chính xác của các loại dữ liệu trong tiêu chí đó. Nếu việc kiểm tra khó khăn do dữ liệu nhiều, tốt nhất là làm 1 Danh sách mới.
4. Thêm 1 cột vào dữ liệu thô. Trong cột này mỗi dòng dữ liệu phải chọn 1 loại trong Danh sách đã làm ở bước 3, chính xác từng ký tự. Tốt nhất là dùng validation để chọn.
5. Nếu bạn cần phân tích nhiều tiêu chí, làm lại bước 3 và 4 cho mỗi tiêu chí.
6. Tiến hành tạo Pivot Table.

II. CÁC PHƯƠNG PHÁP THỐNG KÊ ĐỔI VỚI TRƯỜNG DỮ LIỆU

A. Các phép thống kê thông dụng

Pivot table không chỉ có thống kê tổng, nó có thể thống kê số lượng, số lớn nhất, nhỏ nhất, số trung bình, ...

Thí dụ ta có bảng điểm thi 5 môn của học sinh 3 lớp như sau:

STT	Tên HS	Lớp	Môn	Điểm
01	Nguyễn văn 01	6A1	Toán	8,3
02	Nguyễn văn 02	6A1	Văn	6,9
03	Nguyễn văn 03	6A1	Lý	9,7
04	Nguyễn văn 04	6A1	Hóa	6,9
05	Nguyễn văn 05	6A1	Sinh	6,5
06	Nguyễn văn 06	6A1	Toán	9,2
07	Nguyễn văn 07	6A2	Văn	8,1
08	Nguyễn văn 08	6A2	Lý	10,0
09	Nguyễn văn 09	6A2	Hóa	8,9
10	Nguyễn văn 10	6A2	Sinh	7,4
11	Nguyễn văn 11	6A2	Toán	8,0
12	Nguyễn văn 12	6A2	Văn	7,8
13	Nguyễn văn 13	6A3	Lý	8,7
14	Nguyễn văn 14	6A3	Hóa	7,2
15	Nguyễn văn 15	6A3	Sinh	8,1
16	Nguyễn văn 16	6A3	Toán	7,7
17	Nguyễn văn 17	6A3	Văn	6,9

Bây giờ ta muốn thống kê:

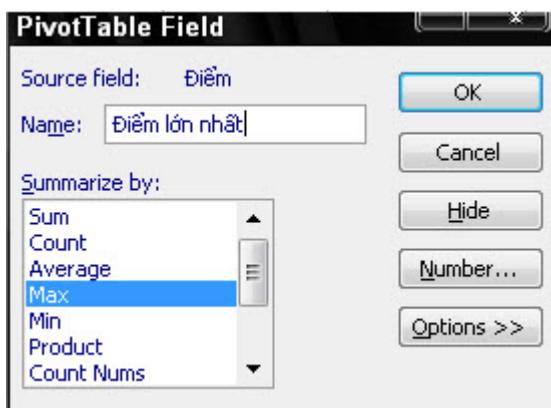
- Số học sinh mỗi lớp dự thi
- Điểm cao nhất của mỗi lớp
- Điểm thấp nhất của mỗi lớp
- Điểm trung bình mỗi lớp

Hãy tạo 1 Pivot table với cấu trúc như sau: Kéo thả Lớp vào ROWS, Tên HS và điểm vào DATA.

	Data	
Lớp	Count of Tên HS	Sum of Điểm
6A1	6	47,5
6A2	6	50,2
6A3	5	38,6
Grand Total	17	136,3

Vì trường tên HS là text, nên Excel tự gán công thức là count: 2 lớp có 6 HS và 1 lớp có 5 HS. Trường Điểm là số (number) nên Excel tự gán công thức Sum. Sửa trường Tên HS thành Số HS cho oai.

Nhấn chuột phải vào trường “Sum of Điểm”, chọn field setting. Chọn lại là Max thay vì Sum, sửa tên field thành Điểm lớn nhất



Kết quả:

Lớp	Số HS	Điểm lớn nhất
6A1	6	9,7
6A2	6	10,0
6A3	5	8,7
Grand Total	17	10,0

Kéo thả Trường điểm vào 2 lần nữa, một lần là Min và 1 lần là Average ta sẽ có;

Lớp	Số HS	Điểm lớn nhất	Điểm nhỏ nhất	Điểm trung bình
6A1	6	9,7	6,5	7,92
6A2	6	10,0	7,4	8,37
6A3	5	8,7	6,9	7,72
Grand Total	17	10,0	6,5	8,02

Nếu thay vì trường “Lớp”, ta kéo trường Môn vào Row, ta sẽ có:

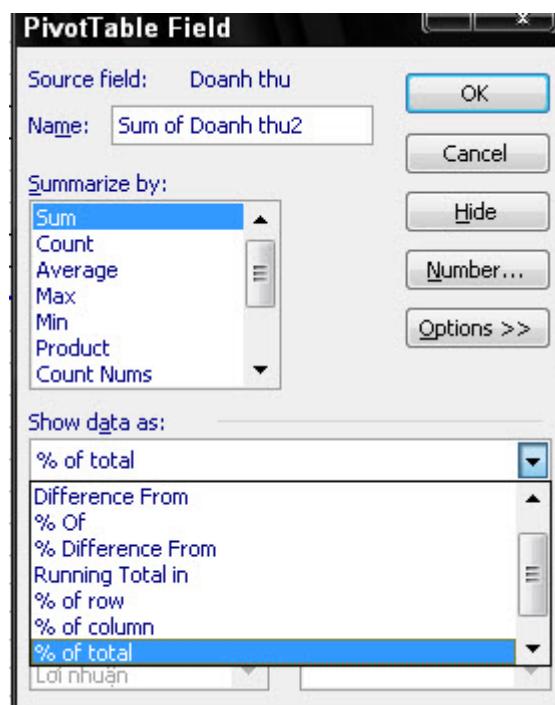
Môn	Số HS	Điểm lớn nhất	Điểm nhỏ nhất	Điểm trung bình
Hóa	3	8,9	6,9	7,67
Lý	3	10,0	8,7	9,47
Sinh	3	8,1	6,5	7,33
Toán	4	9,2	7,7	8,30
Văn	4	8,1	6,9	7,43
Grand Total	17	10,0	6,5	8,02

B. Các phép thống kê đặc biệt

Quay trở lại phần Doanh thu và Lợi nhuận của dữ liệu mẫu phần 1.

1. Phân tích % Doanh thu trên cả nước:

Kéo tính và đại lý vào ROW, Doanh thu kéo 2 lần vào VALUES: 1 lần là Sum, 1 lần là % of Total trong hộp thoại Field setting.

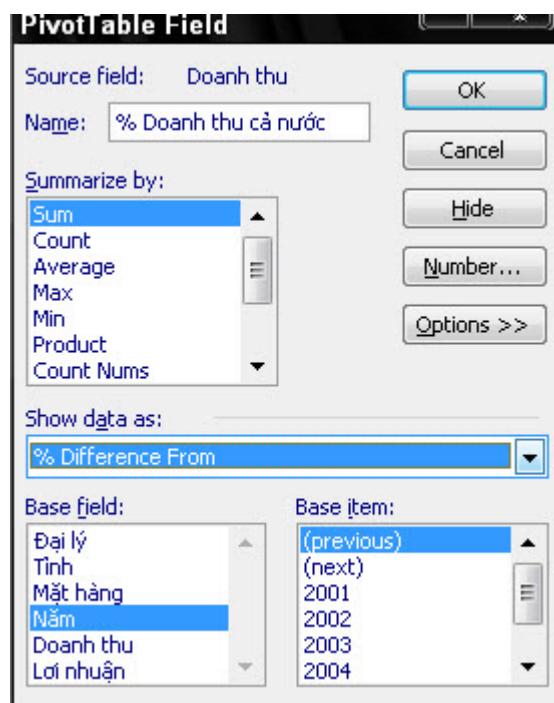


Tỉnh	Đại lý	Doanh thu	% Doanh thu cả nước
An Giang	C	108.799.000	8,23%
	D	325.820.000	24,66%
An Giang Total		434.619.000	32,89%
Hà nội	E	166.348.000	12,59%
	F	107.271.000	8,12%
Hà nội Total		273.619.000	20,71%
HCM	A	121.162.000	9,17%
	B	60.188.000	4,55%
	H	89.886.000	6,80%
	I	49.433.000	3,74%
HCM Total		320.669.000	24,27%
Huế	G	174.133.000	13,18%
	J	118.448.000	8,96%
Huế Total		292.581.000	22,14%
Grand Total		1.321.488.000	100,00%

Ta thấy doanh thu tỉnh An Giang chiếm 32,89% Doanh thu cả nước, trong đó đại lý C chiếm 8,23% và đại lý D, 24,66%. (tổng 32,89%)

2. Phân tích % tăng giảm Doanh thu từng tỉnh so với năm trước:

Kéo trường tính và trường năm vào ROWS, Doanh thu kéo 2 lần vào DATA, 1 lần tính Sum và 1 lần % Difference from “năm”, Previous



Kết quả:

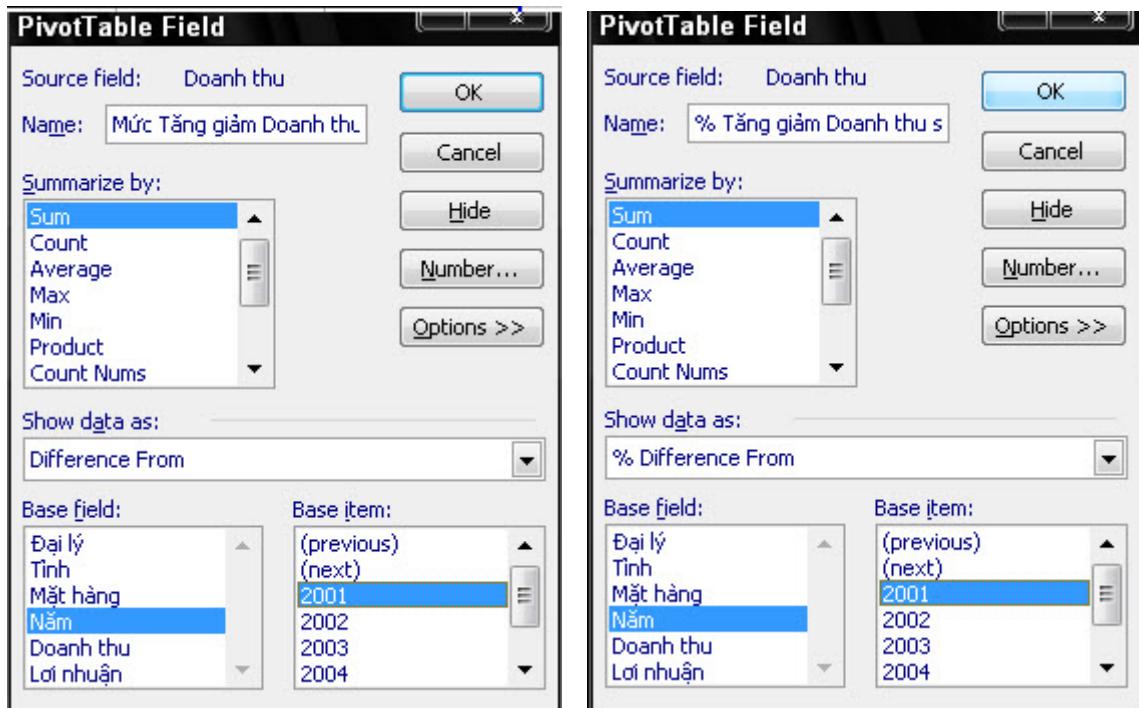
Tỉnh	Năm	Doanh thu	% Tăng giảm Doanh thu so với năm trước
An Giang	2001	84.590.000	
	2002	29.231.000	-65,44%
	2003	79.568.000	172,20%
	2004	70.046.000	-11,97%
	2005	79.373.000	13,32%
	2006	91.811.000	15,67%
An Giang Total		434.619.000	
Hà nội	2001	41.352.000	
	2002	49.898.000	20,67%
	2003	36.131.000	-27,59%
	2004	80.319.000	122,30%
	2005	41.373.000	-48,49%
	2006	24.546.000	-40,67%
Hà nội Total		273.619.000	
HCM	2001	43.949.000	
	2002	45.937.000	4,52%
	2003	49.433.000	7,61%
	2004	121.162.000	145,10%
	2005	33.449.000	-72,39%
	2006	26.739.000	-20,06%
HCM Total		320.669.000	
Huế	2001	44.527.000	
	2002	26.505.000	-40,47%
	2003	88.149.000	232,57%
	2004	52.858.000	-40,04%
	2005	47.416.000	-10,30%
	2006	33.126.000	-30,14%
Huế Total		292.581.000	
Grand Total		1.321.488.000	

Có thể kết hợp mức tăng giảm và tỷ lệ tăng giảm so với năm trước:

Tỉnh	Năm	Doanh thu	Mức Tăng giảm Doanh thu so với năm trước	% Tăng giảm Doanh thu so với năm trước
An Giang	2001	84.590.000		
	2002	29.231.000	-55.359.000	-65,44%
	2003	79.568.000	50.337.000	172,20%
	2004	70.046.000	-9.522.000	-11,97%
	2005	79.373.000	9.327.000	13,32%
	2006	91.811.000	12.438.000	15,67%
An Giang Total		434.619.000		
Hà nội	2001	41.352.000		
	2002	49.898.000	8.546.000	20,67%
	2003	36.131.000	-13.767.000	-27,59%
	2004	80.319.000	44.188.000	122,30%
	2005	41.373.000	-38.946.000	-48,49%
	2006	24.546.000	-16.827.000	-40,67%
Hà nội Total		273.619.000		
HCM	2001	43.949.000		
	2002	45.937.000	1.988.000	4,52%
	2003	49.433.000	3.496.000	7,61%
	2004	121.162.000	71.729.000	145,10%
	2005	33.449.000	-87.713.000	-72,39%
	2006	26.739.000	-6.710.000	-20,06%
HCM Total		320.669.000		
Hué	2001	44.527.000		
	2002	26.505.000	-18.022.000	-40,47%
	2003	88.149.000	61.644.000	232,57%
	2004	52.858.000	-35.291.000	-40,04%
	2005	47.416.000	-5.442.000	-10,30%
	2006	33.126.000	-14.290.000	-30,14%
Hué Total		292.581.000		
Grand Total		1.321.488.000		

3. Phân tích % tăng giảm Doanh thu từng tỉnh so với năm chọn làm năm gốc:

Tính mức tăng giảm doanh thu và tỷ lệ tăng giảm doanh thu so với năm gốc là năm 2001.

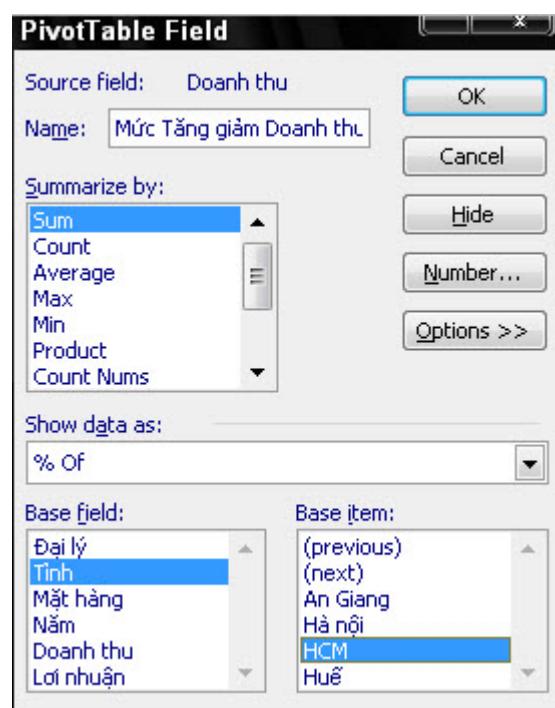


Tỉnh	Năm	Doanh thu	Mức Tăng giảm Doanh thu so với năm 2001	% Tăng giảm Doanh thu so với năm 2001
An Giang	2001	84.590.000		
	2002	29.231.000	-55.359.000	-65,44%
	2003	79.568.000	-5.022.000	-5,94%
	2004	70.046.000	-14.544.000	-17,19%
	2005	79.373.000	-5.217.000	-6,17%
	2006	91.811.000	7.221.000	8,54%
An Giang Total		434.619.000		
Hà nội	2001	41.352.000		
	2002	49.898.000	8.546.000	20,67%
	2003	36.131.000	-5.221.000	-12,63%
	2004	80.319.000	38.967.000	94,23%
	2005	41.373.000	21.000	0,05%
	2006	24.546.000	-16.806.000	-40,64%
Hà nội Total		273.619.000		

HCM	2001	43.949.000		
	2002	45.937.000	1.988.000	4,52%
	2003	49.433.000	5.484.000	12,48%
	2004	121.162.000	77.213.000	175,69%
	2005	33.449.000	-10.500.000	-23,89%
	2006	26.739.000	-17.210.000	-39,16%
	HCM Total	320.669.000		
Huế	2001	44.527.000		
	2002	26.505.000	-18.022.000	-40,47%
	2003	88.149.000	43.622.000	97,97%
	2004	52.858.000	8.331.000	18,71%
	2005	47.416.000	2.889.000	6,49%
	2006	33.126.000	-11.401.000	-25,60%
	Huế Total	292.581.000		
Grand Total		1.321.488.000		

4. Tỷ lệ so với 1 dữ liệu cùng cấp dùng làm mốc so sánh:

So sánh từng mặt hàng của mỗi tỉnh với cùng mặt hàng của TP HCM.



Tỉnh	Mặt hàng	Doanh thu	So sánh Doanh thu với TP HCM
An Giang	Điện cơ	234.204.000	178,07%
	Điện gia dụng	200.415.000	283,52%
An Giang Total	434.619.000	135,54%	
Hà nội	Điện cơ	104.865.000	79,73%
	Điện gia dụng	82.725.000	117,03%
	Điện tử	86.029.000	72,62%
Hà nội Total		273.619.000	85,33%
HCM	Điện cơ	131.524.000	100,00%
	Điện gia dụng	70.688.000	100,00%
	Điện tử	118.457.000	100,00%
HCM Total		320.669.000	100,00%
Huế	Điện cơ	73.921.000	56,20%
	Điện gia dụng	33.126.000	46,86%
	Điện tử	185.534.000	156,63%
Huế Total		292.581.000	91,24%
Grand Total		1.321.488.000	

Điện cơ An Giang so với Điện cơ TP HCM là 178,07%, mặt hàng Điện gia dụng An Giang so với Điện gia dụng TP HCM là 283,52%. Nhưng tổng số của An Giang chỉ bằng 135,54% của TP HCM vì không bán được mặt hàng Điện tử.

TP HCM so với chính nó nên tất cả đều 100%.

C. Công cụ Group

Đối với một số trường của Pivot Table loại trường số và trường ngày tháng, ta có thể Group chúng lại.

1. Group trường loại số:

Giả sử với dữ liệu Doanh thu như trên ta có thể Group trường Năm thành nhóm 2 năm, hoặc 3 năm như sau:

Bấm chuột phải vào trường Năm trên Pivot Table, chọn Group:



Kết quả:

- Group 2 năm:

Tỉnh	Năm	Total
An Giang	2001-2002	113.821.000
	2003-2004	149.614.000
	2005-2006	171.184.000
An Giang Total		434.619.000
Hà nội	2001-2002	91.250.000
	2003-2004	116.450.000
	2005-2006	65.919.000
Hà nội Total		273.619.000
HCM	2001-2002	89.886.000
	2003-2004	170.595.000
	2005-2006	60.188.000
HCM Total		320.669.000
Huế	2001-2002	71.032.000
	2003-2004	141.007.000
	2005-2006	80.542.000
Huế Total		292.581.000
Grand Total		1.321.488.000

- Group 3 năm:

Tỉnh	Năm	Total
An Giang	2001-2003	193.389.000
	2004-2006	241.230.000
An Giang Total		434.619.000
Hà nội	2001-2003	127.381.000
	2004-2006	146.238.000
Hà nội Total		273.619.000
HCM	2001-2003	139.319.000
	2004-2006	181.350.000
HCM Total		320.669.000
Huế	2001-2003	159.181.000
	2004-2006	133.400.000
Huế Total		292.581.000
Grand Total		1.321.488.000

2. Group trường loại ngày tháng:

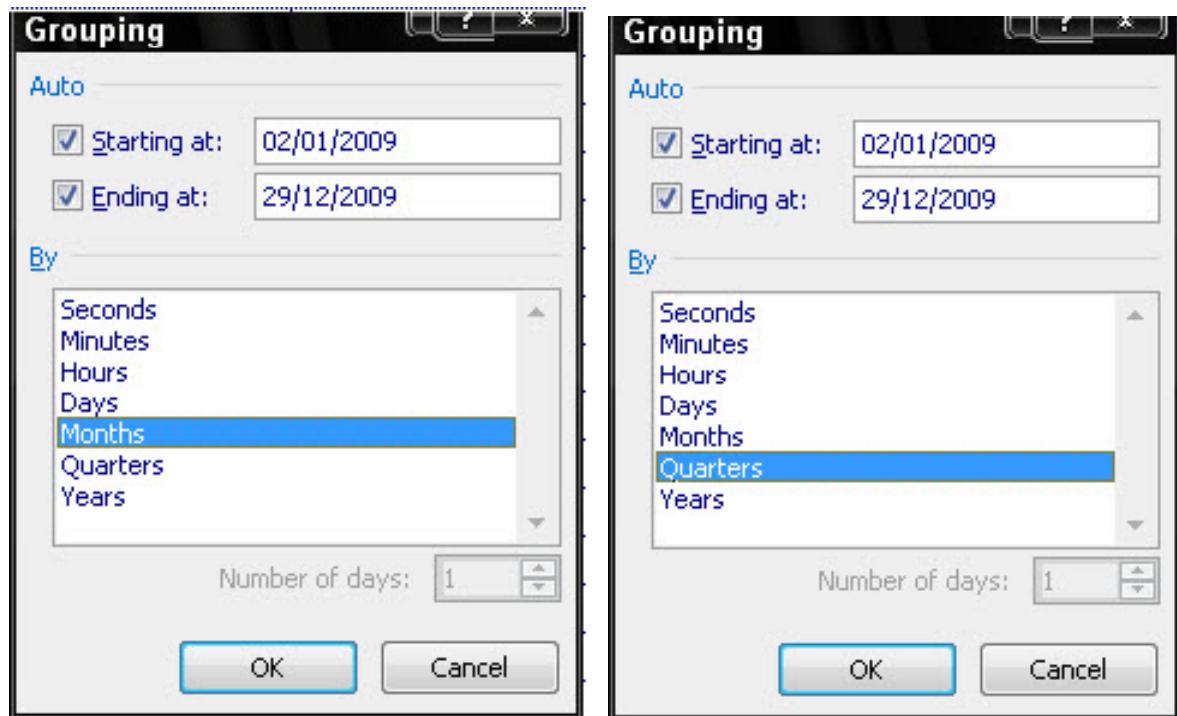
Giả sử với dữ liệu doanh thu hàng ngày cả 1 năm như sau:

Ngày	Mặt hàng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
02/01/09	A	39	10.000	390.000
07/01/09	C	10	28.000	280.000
12/01/09	B	45	18.000	810.000
17/01/09	D	32	40.000	1.280.000
22/01/09	D	40	40.000	1.600.000
27/01/09	B	19	18.000	342.000
01/02/09	A	10	10.000	100.000
06/02/09	B	23	18.000	414.000
11/02/09	C	10	28.000	280.000
16/02/09	A	21	10.000	210.000
21/02/09	A	12	10.000	120.000
...				
08/12/09	A	17	10.000	170.000
13/12/09	C	21	28.000	588.000
18/12/09	B	12	18.000	216.000
23/12/09	C	46	28.000	1.288.000
28/12/09	A	39	10.000	390.000

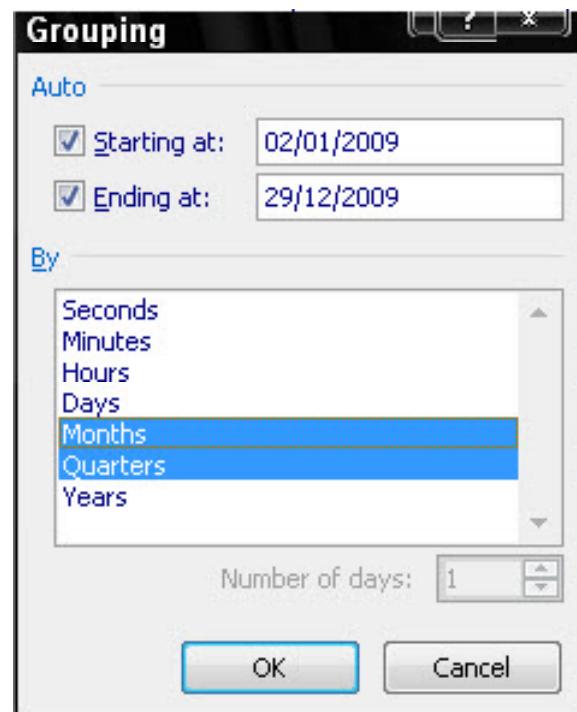
Sau khi tạo 1 Pivot table theo ngày như sau:

Row Labels	A	B	C	D	Grand Total
02/01/09	150.000				150.000
07/01/09			280.000		280.000
12/01/09		594.000			594.000
17/01/09				2.000.000	2.000.000
22/01/09				1.840.000	1.840.000
27/01/09		900.000			900.000
01/02/09	490.000				490.000
06/02/09		864.000			864.000
11/02/09			420.000		420.000
16/02/09	340.000				340.000
21/02/09	180.000				180.000
26/02/09		270.000			270.000

Ta có thể group theo tháng, theo quý:



Hoặc nhiều cấp:



Kết quả lần lượt như sau:

- Group theo tháng:

Sum of Thành tiền	Column Labels				
Row Labels	A	B	C	D	Grand Total
th1	150.000	1.494.000	280.000	3.840.000	5.764.000
th2	1.010.000	1.134.000	420.000		2.564.000
...					
th11	1.250.000			3.920.000	5.170.000
th12	660.000	396.000	2.240.000	1.720.000	5.016.000
Grand Total	8.370.000	6.624.000	12.684.000	29.160.000	56.838.000

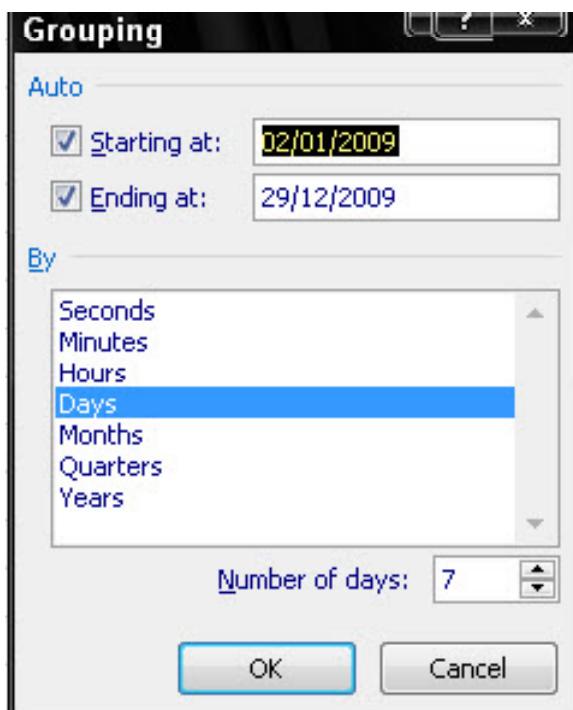
- Group theo quý:

Sum of Thành tiền	Column Labels				
Row Labels	A	B	C	D	Grand Total
Qtr1	1.900.000	3.312.000	1.064.000	6.160.000	12.436.000
Qtr2	1.810.000	522.000	3.780.000	7.080.000	13.192.000
Qtr3	2.750.000	1.476.000	5.600.000	4.920.000	14.746.000
Qtr4	1.910.000	1.314.000	2.240.000	11.000.000	16.464.000
Grand Total	8.370.000	6.624.000	12.684.000	29.160.000	56.838.000

- Group theo quý và tháng:

Sum of Thành tiền	Column Labels				
Row Labels	A	B	C	D	Grand Total
Qtr1	1.900.000	3.312.000	1.064.000	6.160.000	12.436.000
th1	150.000	1.494.000	280.000	3.840.000	5.764.000
th2	1.010.000	1.134.000	420.000		2.564.000
th3	740.000	684.000	364.000	2.320.000	4.108.000
Qtr2	1.810.000	522.000	3.780.000	7.080.000	13.192.000
th4	940.000		1.344.000		2.284.000
...					
th11	1.250.000			3.920.000	5.170.000
th12	660.000	396.000	2.240.000	1.720.000	5.016.000
Grand Total	8.370.000	6.624.000	12.684.000	29.160.000	56.838.000

Nếu muốn Group theo tuần thì Group theo ngày và chọn 7 ngày:



Kết quả:

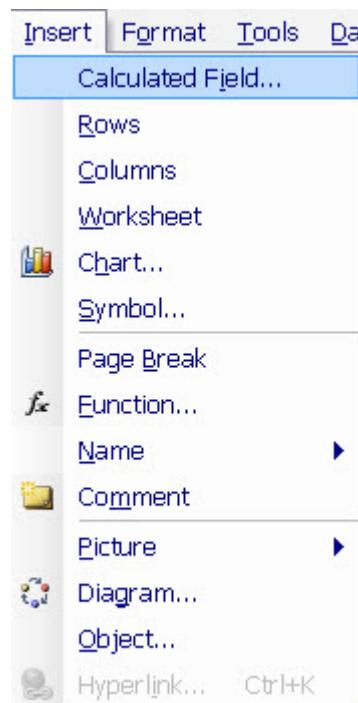
Sum of Thành tiền	Column Labels				
Row Labels	A	B	C	D	Grand Total
01/01/09 - 07/01/09	150.000		280.000		430.000
08/01/09 - 14/01/09		594.000			594.000
15/01/09 - 21/01/09				2.000.000	2.000.000
22/01/09 - 28/01/09		900.000		1.840.000	2.740.000
29/01/09 - 04/02/09	490.000				490.000
05/02/09 - 11/02/09		864.000	420.000		1.284.000
...					
03/12/09 - 09/12/09	240.000			1.720.000	1.960.000
10/12/09 - 16/12/09			1.232.000		1.232.000
17/12/09 - 23/12/09		396.000	1.008.000		1.404.000
24/12/09 - 30/12/09	420.000				420.000
Grand Total	8.370.000	6.624.000	12.684.000	29.160.000	56.838.000

D. Tạo trường tính toán dựa vào trường có sẵn

1. Tạo trường tính toán:

Giả sử ta muốn tính % Lợi nhuận trên doanh thu dựa vào 2 trường này, ta phải Insert 1 trường tính toán (Calculation field).

Click chọn vào vùng DATA của Pivot, nhấn menu Insert, chọn Insert Calculated fields



Trong hộp thoại hiện ra, đặt tên trường, lập công thức tính: = Lợi nhuận/ Doanh thu bằng cách double click vào tên trường, thêm toán tử chia và thêm trường khác:



Sau đó nhấn Add và nhấn OK, định dạng % cho trường mới:

Tỉnh	Năm	Doanh thu	Lợi nhuận	% Lợi nhuận trên Doanh thu
An Giang	2001	84.590.000	8.459.000	10,00%
	2002	29.231.000	3.507.720	12,00%
	2003	79.568.000	7.161.120	9,00%
	2004	70.046.000	4.202.760	6,00%
	2005	79.373.000	7.937.300	10,00%
	2006	91.811.000	11.017.320	12,00%
An Giang Total		434.619.000	42.285.220	9,73%
Hà nội	2001	41.352.000	6.202.800	15,00%
	2002	49.898.000	5.488.780	11,00%
	2003	36.131.000	5.419.650	15,00%
	2004	80.319.000	6.425.520	8,00%
	2005	41.373.000	4.964.760	12,00%
	2006	24.546.000	736.380	3,00%
Hà nội Total		273.619.000	29.237.890	10,69%
HCM	2001	43.949.000	2.197.450	5,00%
	2002	45.937.000	2.756.220	6,00%
	2003	49.433.000	4.943.300	10,00%
	2004	121.162.000	7.190.740	5,93%
	2005	33.449.000	3.679.390	11,00%
	2006	26.739.000	1.069.560	4,00%
HCM Total		320.669.000	21.836.660	6,81%
Huế	2001	44.527.000	4.007.430	9,00%
	2002	26.505.000	1.325.250	5,00%
	2003	88.149.000	6.170.430	7,00%
	2004	52.858.000	7.400.120	14,00%
	2005	47.416.000	5.215.760	11,00%
	2006	33.126.000	993.780	3,00%
Huế Total		292.581.000	25.112.770	8,58%
Grand Total		1.321.488.000	118.472.540	8,97%

Ta có thể tính tỷ lệ hoàn thành kế hoạch, nếu ta tạo 1 trường tính lợi nhuận kế hoạch bằng 10% doanh thu, và so sánh tỷ lệ giữa lợi nhuận thực với lợi nhuận kế hoạch:

Tạo 2 trường tính toán:

- Lợi nhuận KH = Doanh thu * 10%
- Tỷ lệ hoàn thành KH = Lợi nhuận/ Lợi nhuận KH, định dạng %

Năm	Doanh thu	Lợi nhuận KH	Lợi nhuận	Tỷ lệ hoàn thành KH lợi nhuận
2001	214.418.000	21.441.800	20.866.680	97,32%
2002	151.571.000	15.157.100	13.077.970	86,28%
2003	253.281.000	25.328.100	23.694.500	93,55%
2004	324.385.000	32.438.500	25.219.140	77,74%
2005	201.611.000	20.161.100	21.797.210	108,12%
2006	176.222.000	17.622.200	13.817.040	78,41%
Grand Total	1.321.488.000	132.148.800	118.472.540	89,65%

Hoặc dùng công thức phức tạp hơn để tính thưởng chặng hạn:

Thưởng = Doanh thu * IF(Doanh thu >100.000.000, 5%, 3%)

Nhóm theo tỉnh để theo dõi:

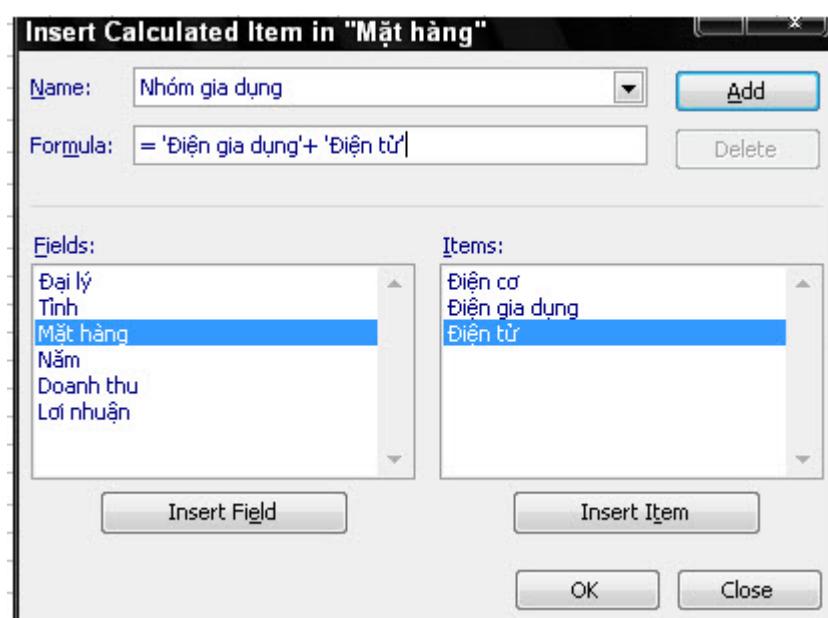
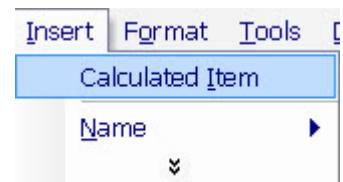
Tỉnh	Đại lý	Doanh thu	Thưởng
An Giang	C	108.799.000	5.439.950
	D	325.820.000	16.291.000
An Giang Total		434.619.000	21.730.950
Hà nội	E	166.348.000	8.317.400
	F	107.271.000	5.363.550
Hà nội Total		273.619.000	13.680.950
HCM	A	121.162.000	6.058.100
	B	60.188.000	1.805.640
	H	89.886.000	2.696.580
	I	49.433.000	1.482.990
HCM Total		320.669.000	16.033.450
Huế	G	174.133.000	8.706.650
	J	118.448.000	5.922.400
Huế Total		292.581.000	14.629.050
Grand Total		1.321.488.000	

2. Tạo mục tính toán riêng cho các phần tử của 1 hoặc nhiều field:

Ta có thể tính toán từng phần của 1 field, thí dụ cộng 2 mảng hàng Điện tử và Điện dụng thành nhóm gia dụng bằng cách Insert 1 Calculated Item:

Click chọn 1 tên field trong ROWS hoặc COLUMNS, ở đây là tên field “Mặt hàng” mà bạn muốn tính gộp, nhấn menu Insert, chọn Insert Calculated Items.

Trong hộp thoại hiện ra, gõ công thức tính:



Kết quả:

Tỉnh	Điện cơ	Điện gia dụng	Điện tử	Nhóm gia dụng	Grand Total
An Giang	234.204.000	200.415.000		200.415.000	635.034.000
Hà nội	104.865.000	82.725.000	86.029.000	168.754.000	442.373.000
HCM	131.524.000	70.688.000	118.457.000	189.145.000	509.814.000
Hué	73.921.000	33.126.000	185.534.000	218.660.000	511.241.000
Grand Total	544.514.000	386.954.000	390.020.000	776.974.000	2.098.462.000

Có thể dấu những trường chi tiết đi:

Tỉnh	Điện cơ	Nhóm gia dụng	Grand Total
An Giang	234.204.000	200.415.000	635.034.000
Hà nội	104.865.000	168.754.000	442.373.000
HCM	131.524.000	189.145.000	509.814.000
Hué	73.921.000	218.660.000	511.241.000
Grand Total	544.514.000	776.974.000	2.098.462.000

E. Dữ liệu từ nhiều nguồn (Multi Consolidation Range)

Trong Excel 2003, số dòng tối đa là $2^{16} = 65.536$ dòng. Đối với dữ liệu phát sinh trong năm của 1 doanh nghiệp lớn nhiều khi vượt quá số dòng trên. Người ta phải nhập liệu chia ra từng tháng, mỗi tháng 1 sheet hoặc mỗi tháng 1 file riêng lẻ.

Hoặc đối với 1 doanh nghiệp có nhiều chi nhánh, mỗi chi nhánh sẽ có 1 file riêng và chúng ta phải tổng hợp lại để phân tích.

Các trường hợp trên Excel sẽ có công cụ để phân tích từ nhiều nguồn. Excel 2010 đã tăng số dòng lên đến $2^{20} = 1.048.576$ dòng. Tuy vậy ta cũng cứ tìm hiểu phương pháp tổng hợp phân tích bằng Pivot Table từ nhiều nguồn.

Giả sử ta có 2 vùng dữ liệu nằm ở 2 sheet khác nhau, 1 sheet dữ liệu quý 1 và 1 sheet dữ liệu quý 2. Hai vùng dữ liệu này cùng cấu trúc:

Ngày	Chứng từ	Loại chi phí	TK chi phí	TK đối ứng	Số tiền
04/01/05	1A/PC	Chi tiếp khách	642800	111	1.406.000
05/01/05	8/PC	Chi VPP	642300	111	450.000
05/01/05	6/PC	Chi VPP	642300	111	115.000
05/01/05	7/PC	Chi VPP	642300	111	100.000
06/01/05	16/PC	Chi mua thiết bị	642300	111	75.000
...					

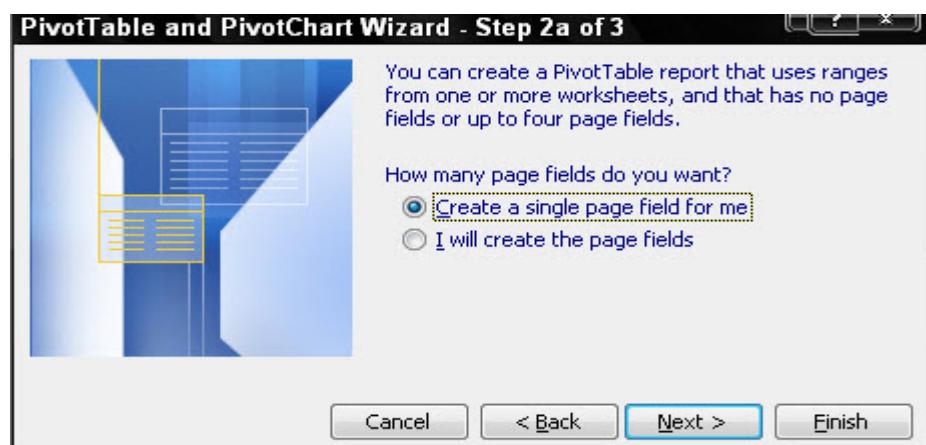
Ngày	Chứng từ	Loại chi phí	TK chi phí	TK đối ứng	Số tiền
02/04/05	5/PC	Phí Bưu điện	642700	111	10.180
02/04/05	6/PC	Chi tiếp khách	642800	111	475.200
02/04/05	8/PC	Chi tiếp khách	642800	111	8.000
02/04/05	7/PC	Tiền xăng công tác	642800	111	86.475
04/04/05	9/PC	Phí BVMT	642700	111	10.000
04/04/05	9/PC	Tiền nước	642700	111	107.143
05/04/05	12/PC	Bao bì	642700	111	237.360
...					

1. Phương pháp:

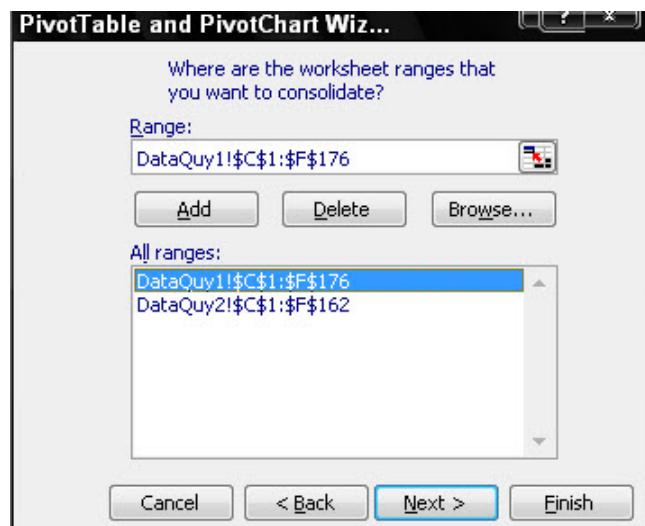
Vào Data – PivotTable and Pivot chart wizard, chọn Multiple consolidation ranges:



Chọn create a single page field for me:



Chọn từng vùng dữ liệu và nhấn Add:



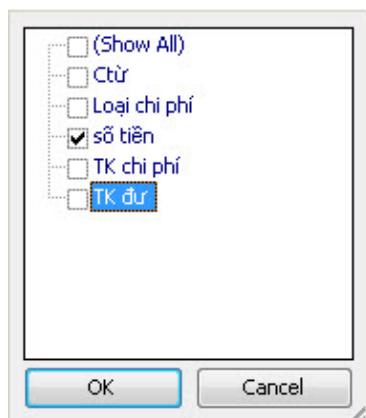
Chọn nơi đặt Pivot table và Finish:



Kết quả:

Row	Số tiền	TK chi phí	TK đối ứng	Grand Total
Chi tiếp khách	91.224.555	0	0	91.224.555
Chi VPP	7.049.652	0	0	7.049.652
Chi mua thiết bị	3.598.050	0	0	3.598.050
Lệ phí hải quan	800.000	0	0	800.000
Gửi xe	3.685.300	0	0	3.685.300
Phí Bưu điện	2.057.506	0	0	2.057.506
Phí vận chuyển	84.000	0	0	84.000
Tiền điện thoại	17.268.420	0	0	17.268.420
Lệ phí chuyển tiền	324.818	0	0	324.818
Tiền điện	5.204.750	0	0	5.204.750
Tiền rác	120.000	0	0	120.000
Tiền xăng công tác	923.475	0	0	923.475

Trường nào không cần thiết thì dấu đi bằng filter: 2 trường TK đang có giá trị zero và chẳng có ý nghĩa gì:



Row	Số tiền
Chi tiếp khách	91.224.555
Chi VPP	7.049.652
Chi mua thiết bị	3.598.050
Lệ phí hải quan	800.000
Gửi xe	3.685.300
Phí Bưu điện	2.057.506
Phí vận chuyển	84.000
Tiền điện thoại	17.268.420
Lệ phí chuyển tiền	324.818
Tiền điện	5.204.750
Tiền rác	120.000
Tiền xăng công tác	923.475

3

Ứng dụng PivotTable trong kế toán

I. BẢNG TỔNG HỢP PHÁT SINH

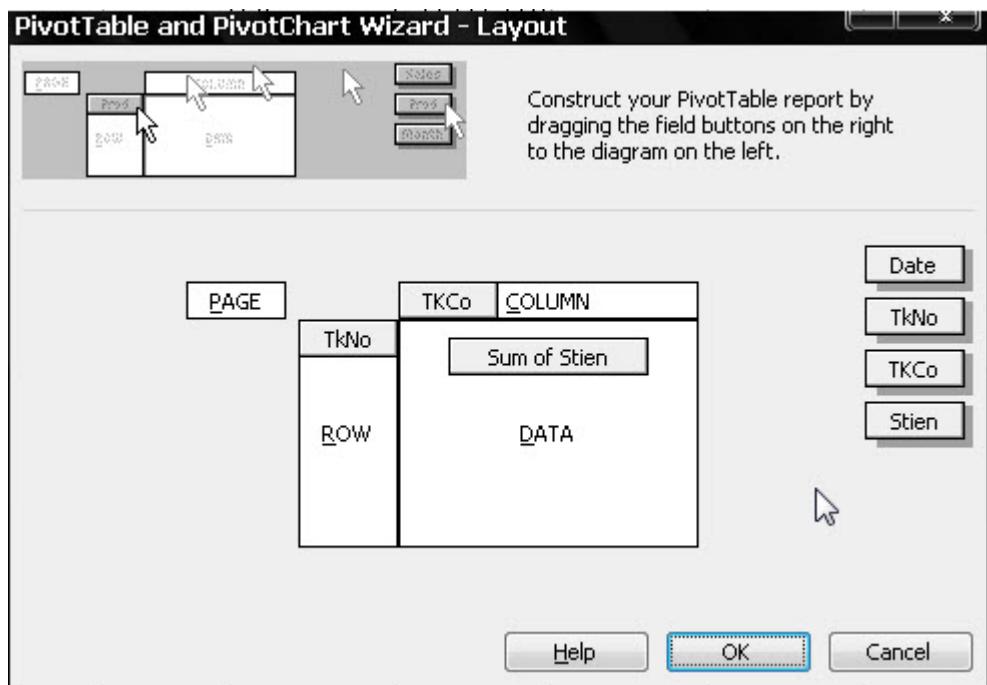
1. Kiểu Bàn cờ:

Kiểu bàn cờ là 1 dạng báo cáo cũ bây giờ không còn dùng, tuy nhiên dùng nó để xem xét phân tích cũng vẫn còn chỗ khả dụng.

Ta cần 1 bảng dữ liệu cơ bản gồm 3 hoặc 4 trường như sau:

Date	TkNo	TKCo	Stien
04/01/08	642	111	38.000
04/01/08	133	111	3.800
04/01/08	642	111	36.750
04/01/08	133	111	3.675
04/01/08	642	111	2.800
04/01/08	331	111	5.500.000
04/01/08	331	111	1.560.020
04/01/08	152	331	5.000.000
04/01/08	133	331	500.000
04/01/08	152	331	1.418.200
04/01/08	133	331	141.820
04/01/08	632	152	5.000.000
04/01/08	632	152	1.418.200
07/01/08	131	511	2.900.000
07/01/08	131	333.1	290.000
07/01/08	131	511	9.300.000

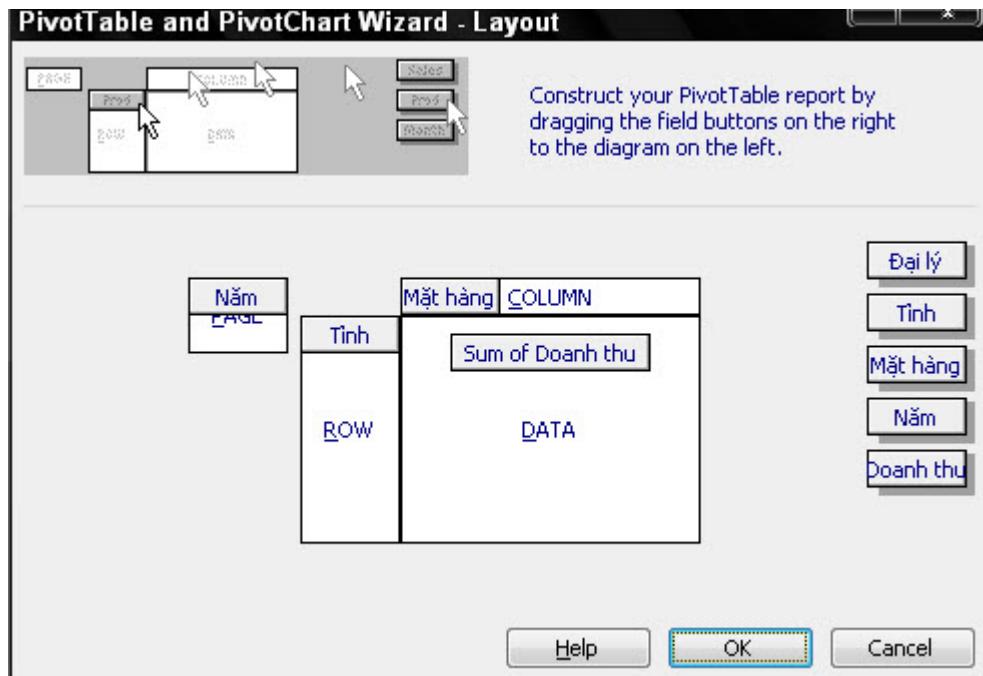
Ta cần 1 bảng dữ liệu cơ bản gồm 3 hoặc 4 trường như sau:



Kết quả:

Sum of Stien	TKCo						
TkNo	111	112	131	133	331	—	Grand Total
111		271.000.000	96.555.250				397.555.250
112			273.815.740				273.944.947
131							363.154.990
133	8.587.554				19.740.964		28.328.518
142	11.227.273						11.227.273
152					115.834.381		115.834.381
156					81.575.216		81.575.216
311	30.000.000						30.000.000
331	217.150.561	2.500.000					219.650.561
333.1	4.600.920			28.328.008			32.928.928
333.8	1.000.000						1.000.000
334	90.000.000						90.000.000
421							57.759.553
511							330.140.900
515							129.207
632	32.958.159						205.812.756
635		30.000					30.000
641	1.816.000	300.000					2.116.000
642	25.795.840			510			120.070.971
911							388.029.660
Grand Total	423.136.307	273.830.000	370.370.990	28.328.518	217.150.561	—	2.749.289.111

2. Phân tích nợ/có hàng ngang theo tháng:



Kết quả:

Sum of Stien	TkNo	TKCo					
		111			112		131
Date	112	131	311	131	515	333.1	511
th1	14.500.000	7.403.000		21.268.500	3.717	2.978.500	29.785.000
th2	12.500.000			8.580.000	10.813	3.143.000	31.430.000
th3	5.500.000	13.182.400		3.795.000	7.706	1.749.400	17.494.000
th4	29.000.000	9.837.850		29.689.000	4.495	964.350	9.643.500
th5	16.500.000			18.645.000	6.317	2.535.440	25.354.400
th6	19.000.000	16.467.000		18.319.840	3.180	5.095.000	50.950.000
th7	35.000.000	18.766.000		41.613.000	10.634	2.221.500	22.215.000
th8	10.000.000	1.644.500		5.670.500	32.490	606.200	6.062.000
th9	30.000.000	4.702.500		29.467.900	19.625	2.679.700	26.797.000
th10		2.530.000		4.290.000	6.605	1.782.000	17.820.000
th11	14.000.000	1.485.000	30.000.000	12.782.000	8.295	1.312.500	13.125.000
th12	85.000.000	20.537.000		79.695.000	15.330	7.946.500	79.465.000
Grand Total	271.000.000	96.555.250	30.000.000	273.815.740	129.207	33.014.090	330.140.900

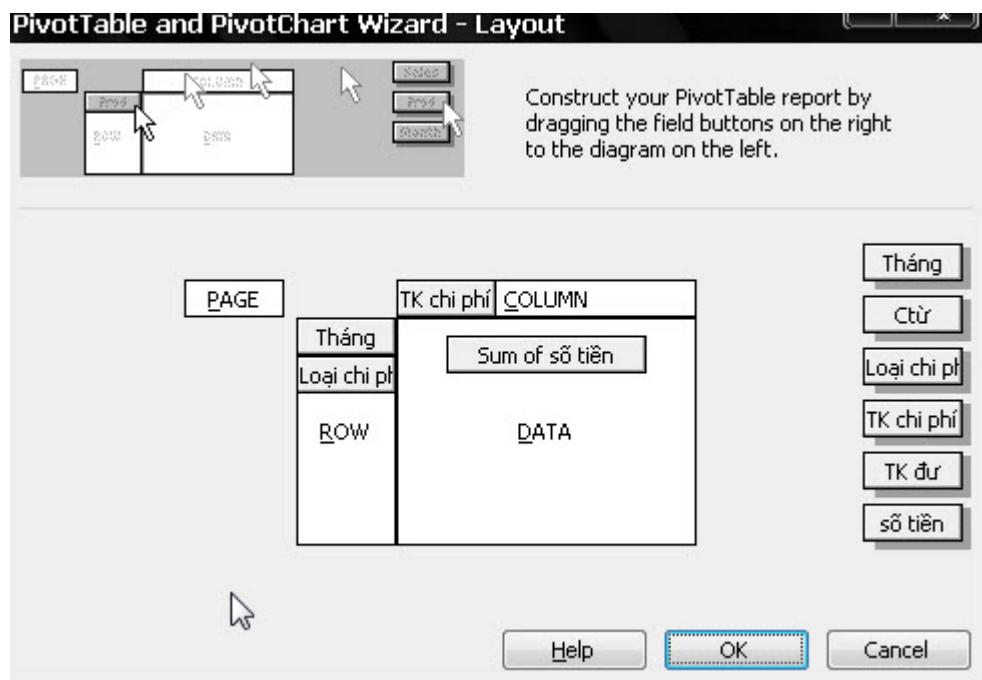
II. PHÂN TÍCH CHI PHÍ HÀNG THÁNG THEO YẾU TỐ

1. Phân tích chi phí hàng tháng:

Với bảng dữ liệu sau:

Ngày	Loại chi phí	TK chi phí	Số tiền
04/01/05	Chi tiếp khách	642800	1.406.000
05/01/05	Chi VPP	642300	450.000
05/01/05	Chi VPP	642300	115.000
05/01/05	Chi VPP	642300	100.000
06/01/05	Chi mua thiết bị	642300	75.000
06/01/05	Lệ phí hải quan	642500	5.000
06/01/05	Gửi xe	642800	12.000
06/01/05	Phí Bưu điện	642800	1.112.727
08/01/05	Phí vận chuyển	642700	8.000
08/01/05	Chi tiếp khách	642800	438.000
08/01/05	Chi tiếp khách	642800	200.000
10/01/05	Tiền điện thoại	642700	2.418.619

Tạo Pivot table như sau:



Group trường Date theo tháng. Kết quả (Filter chỉ xem tháng 1):

Tháng	Loại chi phí	642100	642300	642400	642500	642700	642800	Grand Total
th1	BHXH	2.244.000						2.244.000
	BHYT	299.200						299.200
	Chi mua thiết bị		75.000					75.000
	Tiền lương	17.792.000						17.792.000
	Bao bì					5.000		5.000
	Chi mua quà						2.478.090	2.478.090
	Chi tiếp khách						12.141.379	12.141.379
	Chi VPP		2.158.300				38.000	2.196.300
	Điều chỉnh				100			100
	Gửi xe					600.000	23.300	623.300
	Khấu hao TSCĐ			2.530.829				2.530.829
	Lệ phí chuyển tiền				55.300		500	55.800
	lệ phí hải quan				10.000			10.000
	Phí Bưu điện					117.545	1.307.454	1.424.999
	Phí vận chuyển					84.000		84.000
	tiền điện					871.120		871.120
	tiền điện thoại					2.691.346		2.691.346
	tiền rác					20.000		20.000
	tiền xăng công tác						335.500	335.500
th1 Total		20.335.200	2.233.300	2.530.829	65.400	4.389.011	16.324.223	45.877.963

2. Phân tích theo chi phí, so sánh nhiều tháng:

Cũng với dữ liệu trên, tạo pivot table như sau, cũng group trường Date theo tháng, nhưng hoán vị 2 trường date và loại chi phí:

Sum of số tiền		TK chi phí						
Loại chi phí	Tháng	642100	642300	642400	642500	642700	642800	Grand Total
BHXH	th1	2.244.000						2.244.000
	th2	2.244.000						2.244.000
	th3	7.511.750						7.511.750
	th4	1.971.750						1.971.750
	th5	2.355.750						2.355.750
	th6	2.355.750						2.355.750
BHYT	th1	299.200						299.200
	th2	299.200						299.200
	th3	1.168.800						1.168.800
	th4	262.900						262.900
	th5	314.100						314.100
	th6	314.100						314.100
Tiền lương	th1	17.792.000						17.792.000
	th2	16.405.000						16.405.000
	th3	15.427.000						15.427.000

	th4	17.705.000					17.705.000
	th5	18.394.000					18.394.000
	th6	17.750.000					17.750.000
tiền điện	th1				871.120		871.120
	th2				828.040		828.040
	th3				655.970		655.970
	th5				1.382.720		1.382.720
	th6				1.466.900		1.466.900
	tiền điện thoại				2.691.346		2.691.346
	th1				2.652.568		2.652.568
	th2				4.508.264		4.508.264
	th3				3.623.013		3.623.013
	th4				272.727		272.727
	th5				3.520.502		3.520.502
	th6						

III. ỨNG DỤNG TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

A. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Để lập báo cáo kết quả hoạt động KD, các phần mềm đều đã thực hiện tốt. Còn các bạn sử dụng Excel thì làm thế nào? Tôi thì tôi làm bằng Pivot Table.

Nếu các bạn nhớ nguyên lý cơ bản của kế toán, nhớ tên gọi và ý nghĩa phát sinh nợ, phát sinh có của các tài khoản, thì các bạn thấy ngay báo cáo KQ HĐKD lấy dữ liệu chủ yếu từ phát sinh nợ và có của tài khoản 911.

Tên Tài khoản là Xác định kết quả kinh doanh!

Vậy bạn cần số cái TK 911 hoặc lấy ngay nhật ký chung của kế toán: Bảng nhật ký chung chi tiết, lọc riêng tài khoản 911 (cho ngắn bớt). Bạn có thể lọc bằng filter của Excel 2 lần, 1 lần lấy tknợ =911, 1 lần lấy tkco=911; copy sang file mới. Nếu lấy dữ liệu từ phần mềm thì dùng mã lệnh của phần mềm đó để lọc.

- Thí dụ dữ liệu Foxpro:

Use "D:\ketoan\nhatky.dbf"

Copy to "D:\Baocao\Tk911.xls" Type XL5 For Tkno='911' Or Tkco='911'

Use

- Thí dụ lấy từ Access bằng mã SQL:

```
SELECT ktsc.tkno, ktsc.tkco, ktsc.ttvnd
FROM ktsc
WHERE (((ktsc.tkno)="911")) OR (((ktsc.tkco)="911"));
```

Nội dung của bảng chỉ cần lấy: Số hiệu TK ghi nợ, Số hiệu TK ghi có, số tiền, hết!
Trừ khi bạn có chi phí lãi vay thì phải có thêm 1 cột mã chi phí.

Thí dụ:

tkno	tkco	MaCP	ttvnd
9111	635	LV	34.499
9111	635	LV	12.283
9111	635	CLTG	113.559
5111	9111		5.606.505
5111	9111		1.167.228
9111	6321		1.201.506
9111	6321		6.177.207
515	9111		1.709
9111	642		47.070
9111	642		11.965
9111	641		41.698
515	9111		4.177
4211	9111		860.168
5111	9111		4.259.849
5111	9111		3.882.920
515	9111		5.216
9111	642		28.202

CÁC BƯỚC THỰC HIỆN:

1. Tạo 1 Pivot Table thông thường kê bên Báo cáo KQHĐKD trống:

- Tkco và Tkno kéo thả lần lượt vào COLUMN, Ttvnd kéo thả vào DATA. - bấm chuột phải vào 1 subtotal bất kỳ, chọn hide
- Bấm vào mũi tên kê bên Tkco: bỏ chọn tất cả các tài khoản chỉ để 911
- Ta sẽ có tổng phát sinh có TK 911 đối ứng nợ các tài khoản khác: 421, 511, 515, 711

2. Tạo 1 Pivot thứ hai, hoặc đơn giản là copy Pivot thứ nhất và Paste

- Hoán vị Tkco và Tkno bằng cách kéo thả. - bấm chuột phải vào 1 subtotal bất kỳ, nếu có, chọn hide - Bấm vào mũi tên kê bên Tkno: bỏ chọn tất cả các tài khoản chỉ để 911
- Bấm vào mũi tên kê bên Tkco: chọn tất cả tài khoản.
- Ta sẽ có tổng phát sinh nợ 911 đối ứng có các tài khoản khác: 421, 632, 635, 641, 642, 811, 821
- Nếu TK 635 có lãi vay NH và bạn đã chuẩn bị cột MaCP: bấm chuột phải vào ô 635, chọn Group and show Detail - Show DeTail. Ở hộp thoại hiện ra, chọn trường MaCP - OK. Tk 635 sẽ tách ra làm 2: Lãi vay và chênh lệch tỷ giá.

3. Đưa số liệu vào báo cáo:

- Hãy nhớ tên các tài khoản và đưa vào các mục tương ứng: Doanh thu, giá vốn hàng bán, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí lãi vay ...
- Đánh dấu = trong báo cáo rồi dùng chuột chọn ô số tiền tương ứng trong 2 Pivot. Công thức trên Formula Bar sẽ khá lạ lẫm: =GETPIVOTDATA("ttvnd";\$H\$16;"tkno";"5111";"tkco";" 9111") nhưng đừng quan tâm. Khi bạn sort lại Pivot, nó giúp số tiền không đổi dù địa chỉ ô có số tiền ứng với 511 thay đổi. Bạn có thể gõ = J19 không sao, nếu đừng để đến 2 Pivot.

4. Nếu bạn muốn làm từng tháng:

Vùng dữ liệu bạn chọn rộng hơn, bao trùm cột Tháng. Khi tạo Pivot, kéo thả trường Tháng vào Page. Sau đó tùy ý chọn từng tháng trong danh sách sổ xuống từ nút mũi tên Page.

5. Kiểm tra kết quả báo cáo:

- Tổng (GrandTotal) của 2 Pivot phải bằng nhau (đương nhiên). Nếu sai là dữ liệu ban đầu sai do: hạch toán sai, định khoản sai, số TK không đồng nhất về định dạng text hoặc number.
- Kết quả lãi lỗ trước thuế của BC phải bằng hiệu số phát sinh nợ và có của TK 421 tính theo số giá trị tuyệt đối.

tkco	tkno	Total
9111	4211	3.112.768
	5111	129.872.386
	515	1.425.835
	711	1.437.837
	9111 Total	135.848.826
Grand Total		135.848.826

tkno	tkco	MaCP	Total
9111	4211		9.046.182
	6321		120.349.361
	635	CLTG	3.459.371
		LV	402.117
	635 Total		3.861.488
	641		342.987
	642		919.020
	811		111.193
	821		1.218.595
Grand Total			135.848.826

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	129.872.386	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ($10 = 01 - 02$)	10		129.872.386	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	120.349.361	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ($20 = 10 - 11$)	20		9.523.025	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.425.835	
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	3.861.488	
Trong đó : Lãi vay phải trả	23		402.117	
8. Chi phí bán hàng	24		342.987	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		919.020	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: = 20 + (21-22)-(24+25)	30		5.825.365	
11. Thu nhập khác	31		1.437.837	
12. Chi phí khác	32		111.193	
13. Lợi nhuận khác : ($40 = 31 - 32$)	40		1.326.644	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : ($50 = 30 + 40$)	50		7.152.009	
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	1.218.595	
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp : $60 = 50 - 51-52$)	60		5.933.414	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

B. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Các bước thực hiện: Bạn cần 1 bảng dữ liệu của cả năm. Hãy lọc số nhật ký chung lấy nợ 111, 112 và cả có 111, 112. Nội dung của bảng chỉ cần lấy: Số hiệu TK ghi nợ, Số hiệu TK ghi có, số tiền. Trừ khi bạn có chi phí lãi vay thì phải có thêm 1 cột mã chi phí.

- Tạo 1 Pivot Table thông thường kê bên Báo cáo LCTT trống, mẫu trong file là mẫu mới nhất:
 - Tkco và Tkno kéo thả lần lượt vào Column, Psdvn kéo thả vào Data.
 - Bấm vào mũi tên kê bên Tkco: bỏ chọn tất cả các tài khoản chỉ để 111 và 112
 - Bấm vào mũi tên kê bên Tkno: bỏ chọn Tài khoản 111 và 112 để loại các phát sinh qua lại giữa 111 và 112: rút tiền nhập quỹ và nộp tiền mặt vào TK ngân hàng
 - Nếu TK 635 có lãi vay NH và bạn đã chuẩn bị cột MaCP: bấm chuột phải vào ô 635, chọn Group and show Detail - Show DeTail. Ở hộp thoại hiện ra, chọn trường MaCP - OK. Tk 635 sẽ tách ra làm 2: Lãi vay và chênh lệch tỷ giá. - ta sẽ có tổng phát sinh có Tiền đối ứng nợ các tài khoản khác (Chi)

2. Tạo 1 Pivot thứ hai, hoặc đơn giản là copy Pivot thứ nhất và Paste - Hoán vị Tkco và Tkno bằng cách kéo thả.

- Bấm vào mũi tên kép bên Tkno: bỏ chọn tất cả các tài khoản chỉ để 111 và 112 -
Bấm vào mũi tên kép bên Tkco: bỏ chọn Tài khoản 111 và 112 để loại các phát sinh qua lại giữa 111 và 112.
- Ta sẽ có tổng phát sinh nợ Tiền đối ứng có các tài khoản khác (Thu)

3. Đưa số liệu vào báo cáo:

- Hãy nhớ tên các tài khoản và đưa vào các mục tương ứng: Chi và thu các khoản
- Đánh dấu = trong báo cáo rồi dùng chuột chọn ô số tiền tương ứng trong 2 Pivot. Ghi nhớ thu là cộng và chi là trừ. Thí dụ chi lương là trừ nợ 334, có 111
- Mục chi trả cho người bán hàng và CC dịch vụ gồm TK 331, 627, 642, 152, 153, ...
- nếu mua sắm TSCĐ trực tiếp bằng tiền thì thôi, nếu mua qua trung gian TK 331 thì phải có chi tiết của 331 cùng trong cột mã chi phí của TK 635. (chỉ cần tách phần mua TSCĐ)
- Mục tiền tồn đầu kỳ lấy từ bảng cân đối phát sinh, cột đầu kỳ, giá trị là tổng 111 và 112.

4. Nếu bạn muốn làm từng tháng:

Dữ liệu lấy thêm cột ngày chứng từ, từ đó tạo ra cột tháng. Vùng dữ liệu bạn chọn rộng hơn, bao trùm cột Tháng. Khi tạo Pivot, kéo thả trường Tháng vào Page. Sau đó tùy ý chọn từng tháng trong danh sách xổ xuống từ nút mũi tên Page.

5. Kiểm tra kết quả báo cáo:

Mục tiền tồn cuối kỳ phải bằng tổng của TK 111 và 112, cột cuối kỳ của bảng cân đối phát sinh.

CHI		
Sum of psdvn		
tkno	tkco	Total
1331	1111	55.001.051
	1121	9.844.566
1331 Total		64.845.617
141	1111	681.315.119
	1121	24.750.000
141 Total		706.065.119
1522	1111	14.810.909
1522 Total		14.810.909
1531	1111	10.360.000
1531 Total		10.360.000
2112	1111	18.439.524
	1121	15.238.095
2112 Total		33.677.619

THU		
Sum of psdvn		
tkco	tkno	Total
131	1111	55.104.420
	1121	1.139.518.796
131 Total		1.194.623.216
141	1111	150.723.502
141 Total		150.723.502
311	1121	670.000.000
	1122	40.000.000
311 Total		710.000.000
331	1111	74.421.488
	1121	27.133.333
331 Total		101.554.821
33312	1121	1.499.465
33312 Total		1.499.465

242	1111	33.654.733	3333	1121	861.990
242 Total		33.654.733	3333 Total		861.990
311	1121	505.000.000	3384	1121	133.000
	1122	40.000.000	3384 Total	133.000	
311 Total		545.000.000	4131	1122	5.673.662
331	1111	1.263.180.960	4131 Total		5.673.662
	1121	2.660.719.304	515	1121	175.517.582
	1122	320.603.589		1122	7.003.848
331 Total		4.244.503.853	515 Total		182.521.430
33311	1121	17.215.067	6273	1111	-772.235
33311 Total		17.215.067	6273 Total		-772.235
33312	1111	402.000	6277	1111	253.000
	1121	93.549.459	6277 Total		253.000
33312 Total		93.951.459	711	1111	1.488.000
3333	1121	102.035.209	711 Total		1.488.000
3333 Total		102.035.209	Grand Total		2.348.559.851

STT	CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Số năm nay
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.377.144.646
2	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-4.978.237.585
3	3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-971.408.504
4	4. Tiền chi trả lãi vay	04		5.209.566
5	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		0
6	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		255.741.543
7	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-1.221.329.085
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		-5.532.879.419
II	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-33.677.619
2	2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0
3	3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0
4	4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0
5	5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0
6	6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0
7	7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-33.677.619
III	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1	1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0
2	2.Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0
3	3.Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		710.000.000

4	4.Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-545.000.000
5	5.Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0
6	6. Cỗ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		165.000.000
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ($50 = 20+30+40$)	50		-5.401.557.038
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.255.986.893
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.673.662
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ($70 = 50+60+61$)	70	VII.34	860.103.517

Tuy nhiên muốn lập được báo cáo tài chính bằng Pivot table, điều quan trọng là phải tổ chức tốt hệ thống CSDL là 1, quá trình nhập liệu từ đầu là 2. Nếu cơ sở dữ liệu tổ chức tốt nhưng quá trình nhập liệu không tuân thủ quy định thì rất khó để làm bất cứ điều gì, không phải chỉ mình cái báo cáo LCTT này. Ngược lại cũng thế. Thí dụ:

- a. Về vấn đề chi phí tài chính (TK 635): Tốt nhất là nên tổ chức dữ liệu có 1 trường mã chi phí (cho tất cả các loại chi phí nói chung), và tuân thủ việc nhập liệu đúng mã, thì ta sẽ dễ dàng tách chi phí lãi vay ra.
- b. Về vấn đề mua sắm TSCĐ:
 - Nếu tuân thủ rằng mọi việc mua sắm phải thông qua tài khoản 331, dù trả tiền ngay, thì cũng phải dùng trường mã chi phí để phân biệt chi phí mua sắm TSCĐ riêng.
 - Ngược lại nếu không quy định phải qua trung gian TK 331 thì phải nhất quán, mọi chi phí mua sắm TSCĐ phải ghi vào 211. 3. Tương tự cho các khoản thu hoạt động tài chính (TK 511) Còn nếu như CSDL không tổ chức tốt, mà cả quá trình nhập liệu từ đầu cũng chả theo nguyên tắc nào nhất quán, thì khi dùng Pivot Table hay bất cứ phương pháp nào, cũng phải xử lý dữ liệu trước khi lập báo cáo. Đó là chuyện muôn thuở của chi Bếp nhà ta.

Tổng kết: Phương pháp dùng Pivot table để tạo báo cáo kết quả HĐKD và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là phương pháp nhanh nhất, đơn giản nhất. Bạn không phải vắt óc và cảng mắt ra gõ những công thức với Sumproduct hoặc SumIf rất dễ bị sai. Mỗi lần sai phải tìm xem sai phần nào của công thức rất tốn công. Còn nếu bỏ sót tài khoản đối ứng thu chi nào, cũng khó tìm ra. Trong khi đó dùng Pivot Table, nếu có sai, sẽ chỉ có thể là bỏ sót 1 tài khoản đối ứng thu chi nào đó, không hề có chuyện sai công thức. Đồng thời tìm con số chênh lệch này bên bảng Pivot rất nhanh.

MỤC LỤC

Phần 1 - PIVOT TABLE CƠ BẢN

I. Khái niệm	1
II. Thực hiện	2
III. Các thủ thuật trong Pivot Table	6

Phần 2 - PIVOT TABLE NÂNG CAO

I. Yêu cầu cơ bản khi thực hiện Pivot Table	11
II. Các phương pháp thống kê đối với trường dữ liệu	12
A. Các phép thống kê thông dụng	12
B. Các phép thống kê đặc biệt	14
C. Công cụ Group	20
III. Tạo trường tính toán dựa vào trường có sẵn	26
IV. Dữ liệu từ nhiều nguồn (Multi Consolidation Range)	30

Phần 3 - ỨNG DỤNG PIVOT TABLE TRONG KẾ TOÁN

I. Bảng tổng hợp phát sinh	33
II. Phân tích chi phí hằng tháng theo yêu tố	36
III. Ứng dụng trong báo cáo tài chính	38
A. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	38
B. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	41